**TUẦN 8**

*Ngày soạn: 26/10/2024*

*Ngày soạn: Thứ Hai (28/10/ 2024)*

**Hoạt động trải nghiệm: Tiết 19**

**SINH HOẠT DƯỚI CỜ: NGÀY HỘI TRAO ĐỔI SÁCH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Học sinh tham gia chào chờ theo nghi thức trang trọng, nghiêm túc, thể hiện lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc và sự biết ơn đối với các thế hệ cha ông đã hi sinh xương máu để đổi lấy độc lập, tự do cho Tổ quốc.

- HS tham gia Ngày hội Trao đổi sách.

- HS nêu cảm xúc khi chia sẻ kiến thức với bạn bè.

- Tham gia lễ chào cờ đầu tuần nghiêm trang, tích cực.

- Tôn trọng, yêu quý và giữ gìn sách

- Có tinh thần chăm chỉ học tập, nghiên cứu.

- Có ý thức nghiêm túc trong lễ chào cờ, nhắc nhở bạn nêu cao tinh thần trách nhiệm của bản thân để tham gia lễ chào cờ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh:** SGK, vở ghi chép

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | Tập trung, ổn định | Học sinh xếp hàng chuẩn bị chào cờ |
| Thực hành | Tổ chức chào cờ theo nghi thức đội.  - Sinh hoạt dưới cờ:  + Đánh giá sơ kết tuần  - Nêu ưu điểm, khuyết điểm trong tuần trước.  + Triển khai kế hoạch mới trong tuần.  + Chủ đề sinh hoạt dưới cờ: “Ngày hội trao đổi sách”  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm  + HD học sinh giới thiệu cuốn sách mình sưu tầm được theo nhóm.  - Các nhóm lên thực hiện chia sẻ nội dung  - Các nhóm tổ chức trưng bày, giới thiệu sách.  + Các nhóm đi tham quan và đọc hoặc đăng kí mượn sách của nhóm bạn  - Ngày hội trao đổi sách có tác dụng gì ?  - Em có suy nghĩ gì khi tham gia hoạt động này | Học sinh chào cờ  - Tham gia nhận xét đánh giá  - Rút kinh nghiệm  - HS theo dõi  - HS hoạt dộng nhóm  - Học sinh chia sẻ nội dung chính của cuốn sách theo nhóm.  - HS trưng bày giới thiệu  - HS tham quan, đọc hoặc đăng kí mượn sách của nhóm bạn  - HS thảo luận trả lời  - HS chia sẻ |
| Vận dụng | - Sưu tầm và đọc sách hàng ngày  - Chuẩn bị cho tiết học tiếp theo | - HS thực hành vận dụng |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Toán: Tiết 36**

## **BÀI 17: THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM VỚIMỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO**

## **ĐẠI LƯỢNG (TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Thực hành các hoạt động liên quan đến đo lường và tính toán diện tích gắn với thực tiễn.

- Qua việc mô tả các hiện tượng quan sát được, diễn giải câu trả lời được đưa ra, HS có thể hình thành và phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

- Cùng với hoạt động trên, qua hoạt động diễn đạt, trả lời câu hòi (bằng cách nói hoặc viết) mà GV đặt ra sẽ giúp HS phát triển năng lực giao tiếp toán học.

- Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh:** SGK, vở ghi, dụng cụ học tập theo yêu cầu của bài học

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV chiếu hình trong SGK, yêu cầu HS quan sát, đọc nội dung  - GV cho HS thảo luận theo nhóm đôi trả lời một số câu hỏi sau:  + Mặt sàn của phòng học có dạng hình gì?  + Muốn tính diện tích mặt sàn của phòng học ta cần biết những gì?  + Cách tính diện tích mặt sàn của phòng học.  - GV mời đại diện nhóm nhanh nhất trình bày kết quả.  - GV nhận xét và tuyên dương HS.  - GV giới thiệu bài: “Các em có biết kiến thức chúng ta đã học rất thiết thực và gần gũi ngay xung quanh chúng ta không? Cô trò mình cùng bắt đầu bài học hôm nay. Bài 17: Thực hành và trải nghiệm với một số đơn vị đo đại lượng (tiết 1). | - HS lắng nghe, thực hiện yêu cầu của GV.  - HS làm việc nhóm, trả lời:  + Mặt sàn của phòng học có dạng hình chữ nhật.  + Muốn tính diện tích mặt sàn, ta cần biết số đo chiều dài, chiều rộng của mặt sàn.  + Diện tích mặt sàn của phòng học bằng chiều dài nhân chiều rộng.  - HS hỏi đáp trước lớp  - HS lắng nghe |
| Thực hành | Bài 1  a) Thực hành đo và tính diện tích mặt sàn phòng học của lớp em.  - GV lớp thành cách nhóm nhỏ, mỗi nhóm 2 – 4 HS.  - GV yêu cầu HS thực hiện đo và tính toán diện tích mặt sàn phòng học, ghi lại kết quả thảo luận vào bảng phụ. GV có thể hướng dẫn HS làm tròn số đo diện tích phòng học bằng cách bỏ qua diện tích bị chiếm bởi các cột trong phòng học.  - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả.  b) Tính số tiền mua gạch để lát mặt sàn phòng học lớp em. Mẫu gạch được chọn có dạng hình vuông cạnh 50 cm được đóng theo hộp 4 viên, mỗi hộp có giá 140 000 đồng.  - GV cho HS thống nhất các số đo và diện tích của mặt sàn phòng học.  - GV yêu cầu HS tính toán số tiền dùng để mua gạch lát mặt sàn phòng học.  - GV gợi ý:  + Tính tổng diện tích của 4 viên gạch có dạng hình vuông trong mỗi hộp theo đơn vị mét vuông.  + Tính số hộp gạch cần mua để lát sàn phòng học.  + Tính tổng số tiền dùng để mua gạch lát mặt sàn phòng học.  - GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả.  - GV nhận xét, chốt đáp án cho HS. | - HS chú ý lắng nghe, thực hiện theo yêu cầu của GV.  - HS sử dụng thước dây đã chuẩn bị để đo, ghi lại kết quả đo và tính diện tích mặt sàn phòng học.  - Một số nhóm TB  - HS chú ý lắng nghe, thực hiện theo yêu cầu của GV  - HS dựa vào gợi ý của GV để thực hiện các bước giải.  - 1 số nhóm TB |
| Vận dụng | Bài 2  - Mời HS đọc yêu cầu  - GV hướng dẫn HS:  + Xác định số lượng phòng học trong trường.  + Dựa vào kết quả đo và diện tích mặt sàn phòng học ở hoạt động 1 tính toán.  - GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả, cả lớp lắng nghe và nhận xét bài làm của bạn.  - GV chữa bài, thống nhất kết quả.  \* Hoạt động thực tế  - GV khuyến khích HS cùng người thân thực hành tính toán, đo lường và tính diện tích mặt sàn nhà bếp, mặt sàn phòng ngủ, ...  - GV cùng HS tóm tắt lại những nội dung chính của bài học  - GV nhận xét giờ học  - Dặn dò chuẩn bị bài sau | - 1 HS đọc, lớp theo dõi  - HS chú ý lắng nghe, thực hiện theo yêu cầu của GV.  - Các nhóm làm theo hướng dẫn. Nội dung nào chưa rõ thì xin ý kiến GV.  - HS trình bày  - Lắng nghe  - HS cùng người thân thực hành:  + Chuẩn bị dụng cụ đo.  + Đo lường và tính diện tích mặt sàn nhà, mặt bàn học,..  + Tính tiền mua gạch để lát mặt sàn nhà bếp; phòng ngủ;...  - HS chú ý lắng nghe  - HS lưu ý rút kinh nghiệm cho các tiết học sau  - HS chú ý lắng nghe |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiếng Việt: Tiết 50**

**ĐỌC: BÀI CA VỀ MẶT TRỜI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện Bài ca về mặt trời. Biết đọc diễn cảm các đoạn chứa nhiều từ ngữ gợi tả, gợi cảm và thể hiện tâm lí, cảm xúc của nhân vật; tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng trong 1 phút

- Đọc hiểu: Nhận biết được các nhân vật qua hành động và lời nói của nhân vật; nhận biết các sự việc xảy ra trong câu chuyện. Nhận biết được các sự việc xảy ra trong câu chuyện. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm và suy nghĩ của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Cần biết rung cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên quanh mình.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

- Biết cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên, biết thể hiện cảm xúc bằng lời, biết chia sẻ cảm xúc với những người xung quanh.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** SGK, máy tính, máy chiếu

**2. Học sinh:** SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV cho HS xem video hoạt hình Thần gió và mặt trời  - YC HS thảo luận trả lời các câu hỏi  + Câu chuyện có những nhân vật nào?  + Mặt trời và gió tranh luận về nội dung gì?  + Vậy trong câu chuyện này mặt trời hay gió mạnh hơn?  - GV nhận xét  - GV dẫn dắt: Ngoài sức mạnh vô tận, mặt trời còn tạo ra những cảnh đẹp tuyệt vời cho Trái đất của chúng mình, cảnh đẹp đó là gì, bài học ngày hôm này chúng mình sẽ tìm hiểu nhé! | - HS theo dõi câu chuyện  - HS thảo luận  + Thần gió và mặt trời  + Ai cũng nhận là mình mạnh nhất  + Mặt trời đã thắng thần Gió  - HS nhận xét  - HS lắng nghe |
| Khám phá | 1. Luyện đọc  - GV đọc mẫu: Đọc rõ ràng, diễn cảm phù hợp với tâm trạng nhân vật, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm, những tình tiết bất ngờ, từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc nhân vật.  - HD đọc: Đọc diễn cảm, chú ý tới những chỗ ngắt nghỉ, các từ ngữ thể hiện sự diễn cảm (cái gì vậy; rõ ràng là, từ bao giờ; chắc là, bỗng ...) trong văn bản.  - Yêu cầu HS chia đoạn  - GV gọi 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn.  - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: mỏng, màu sữa, bổng, lè tè, xanh thẫm, vành mũ, chiếm lĩnh,….  - GV hướng dẫn luyện đọc câu:  Sương mù như tấm khăn voan mỏng màu sữa/ bay la đà trên những khóm cây quanh vườn, / trùm lấp một khoảng sân;  - GV HD đọc đúng ngữ điệu: đọc thay đổi ngữ điệu khi đọc lời nói trực tiếp các nhân vật, đọc đúng ngữ điệu thể hiện tâm trạng của nhân vật  - GV mời 3 HS đọc nối tiếp đoạn.  - GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ.  - Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh mình hoạ (nếu có)  - Tổ chức đọc trong nhóm  - Tổ chức thi đọc  - GV cùng lớp nhận xét tuyên dương.  2. Tìm hiểu bài  - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,…  - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.  Câu 1: Đàn chim sẻ làm gì khiến nhân vật “tôi” chú ý? Nhân vật “tôi” nghĩ gì về chuyện đó?  Câu 2: Cảnh mặt trời mọc được miêu tả như thế nào?  Câu 3: Vì sao nhân vật “tôi” liên tưởng mặt trời như chiếc mũ đỏ rồi lại như chiếc mâm đồng đỏ?    Câu 4: Khi phát hiện ra vầng mặt trời như chiếc mâm đồng đỏ, cảm xúc của nhân vật “tôi” như thế nào? Em suy nghĩ gì về bài hát của nhân vật “tôi”?  Câu 5: Khi đọc đoạn văn tả mặt trời mọc, có hai bạn nhỏ đã nêu ý kiến như trong sách. Em thích ý kiến của bạn nào hoặc có ý kiến nào khác? Vì sao?  + GV gợi ý: Mỗi đoạn văn trên so sánh cảnh mặt trời mọc với điều gì? Mỗi đoạn giải thích hình ảnh so sánh đó ra sao?  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV mời HS nêu nội dung bài bài học.  - GV nhận xét và chốt: Cần biết rung cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên quanh mình. | - HS lắng nghe  - HS lắng nghe hướng dẫn cách đọc.  - HS chia đoạn  + Đoạn 1: Từ đầu đến trông thấy được  + Đoạn 2: Tiếp theo đến càng nhích dần lên  + Đoạn 3: Phần còn lại.  - 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn.  - HS đọc từ khó.  - 2-3 HS đọc câu.  - HS lắng nghe cách đọc đúng ngữ điệu.  - 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn.  - HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ.  - HS nghe giải nghĩa từ  - Đọc trong nhóm 2  - 2 nhóm thi đọc  - HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi  - Nhân vật “tôi” chú ý đến những chú chim sẻ đang thi nhau cất tiếng hót trên những ngọn cau cao, tiếng chim khi bổng khi trầm làm xôn xao không gian.  - Nhân vật “tôi” nghĩ đàn chim sẻ hót xôn xao như vậy vì đang trông thấy một điều gì đó mà nhân vật “tôi” ở thấp quá chưa nhìn ra được.  - Đầu tiên, mặt trời nhô lên sau vòm cây xanh thẫm như một vành mũ màu đỏ. Chiếc mũ đỏ to lớn nhô dần lên trên nền trời. Cuối cùng mặt trời bay lên khỏi vòm cây, to và đỏ giống như một chiếc mâm đồng. Vầng mặt trời bay từ từ chiếm lĩnh nền trời xa, rộng.  + Bạn nhỏ thay đổi hình ảnh so sánh vì hình dáng của mặt trời thay đổi khi nhô dần lên trên bầu trời. Ban đầu, mặt trời chỉ ló một nửa ra khỏi vòm cây, giống nửa vành mũ đội đầu (đều là nửa hình tròn). Bạn nhỏ có lẽ cũng tưởng tượng có ai đó đang trốn sau vòm cây và chỉ ló mỗi vành mũ lên, bạn nhỏ hồi hộp chờ đợi ai là người đội chiếc mũ đó. Khi nhô lên cao, mặt trời mới hiện ra đầy đủ, tròn đầy và to rõ, giống như một chiếc mâm màu đỏ.  - Khi phát hiện ra vầng mặt trời như chiếc mâm đồng đỏ, cảm xúc của nhân vật “tôi” dâng trào, khiến cho trong trái tim của nhân vật “tôi” vang lên tiếng hát. Đó là một bài hát rất độc đáo, giàu hình ảnh, chứa chan cảm xúc  - HS làm việc và trả lời được theo ý kiến và cảm nhận của cá nhân về mỗi đoạn văn.  - Cả lớp nghe và nhận xét, đánh giá ý kiến nêu ra hay, độc đáo, có sức thuyết phục.  + VD: Vào buổi bình minh, mặt trời giống một quả bóng bay màu đỏ (vì mặt trời tròn, đỏ, ít quầng nắng nên giống quả bóng, càng lúc lại càng lên cao cũng giống quả bóng); khi lên cao tít, mặt trời giống một đốm lửa (vì mặt trời lúc đó nhỏ thôi nhưng màu đỏ hoặc cam, gay gắt, và có những quầng nắng xung quanh rất chói mắt, giống lửa ... )  - 2-3 HS rút ra nội dung bài học  - 3-4 HS nhắc lại nội dung bài học. |
| Luyện tập | \* Luyện đọc lại  - Theo em, để thể hiện được nội dung bài đọc, cần đọc bài với giọng đọc như thế nào?  - GV nhận xét và gọi HS đọc bài  - Tổ chức cho HS đọc trong nhóm  - Mời 1 số HS đọc  - GV tuyên dương HS đọc tốt | - HS nhắc lại cách đọc    - 1 HS đọc  - HS đọc và góp ý cách đọc cho bạn.  - 1 số HS đọc |
| Vận dụng | - GV nêu yêu cầu: Em hãy nêu cảm nhận của em về cảnh mặt trời mọc trong câu chuyện và tâm trạng của bạn nhỏ khi hát vang bài ca về mặt trời?  - GV mở và chiếu bài hát cho cả lớp hát theo: Cảm ơn ông mặt trời  - Nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết dạy.  - Dặn dò bài về nhà. | - HS nêu được cảm nhận về vẻ đẹp của cảnh mặt trời mọc. Biết bộc lộ cảm xúc và ý kiến của bản thân về tâm trạng vui tươi, phấn khởi của bạn nhỏ.  - Cả lớp hát  - HS lắng nghe |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiếng Việt: Tiết 51**

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU: LUYỆN TẬP VỀ TỪ ĐA NGHĨA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

-Ghi nhớ kiến thức về từ đa nghĩa.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

- Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.

- Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** SGK, máy tính, máy chiếu, bảng nhóm

**2. Học sinh:** SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn”  + Luật chơi: Em hãy tìm và xếp các từ theo các nhóm nghĩa: Từ dùng với nghĩa gốc và Từ dùng với nghĩa chuyển  “khuôn mặt, tay trái, cửa sổ, cửa biển, đứng đầu, đầu tóc, tay chân, mặt bàn, xấu bụng, đau bụng”  - GV yêu cầu HS: Hãy nhắc lại thế nào là từ đa nghĩa?  - GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS tham gia chơi  + Từ dùng với nghĩa gốc: khuôn mặt, cửa sổ, đầu tóc, tay trái, đau bụng.  + Từ dùng với nghĩa chuyển: cửa biển, đứng đầu, tay chân, mặt bàn, xấu bụng…  - HS trả lời  - HS lắng nghe |
| Thực hành | Bài 1  - GV mời 1 HS đọc câu lệnh của bài tập 1, 1 HS khác đọc 2 đoạn thơ chứa từ *hạt.*  - GV hướng dẫn cách thực hiện: Đọc lại 2 đoạn thơ, chú ý đặc biệt đến từ *hạt ở* mỗi đoạn và xác định nghĩa của từ *hạt* trong đoạn thơ đó. Sau khi xác định được nghĩa của từ *hạt* ở các câu thành ngữ, xác định xem trong số các nghĩa đó, nghĩa nào là nghĩa gốc, nghĩa nào là nghĩa chuyển.  - Mời một số HS đại diện nhóm trình bày kết quả.  - Cả lớp và GV nhận xét.  Bài 2  - GV nêu yêu cầu của bài tập 2, yêu cầu 1 HS đọc bài thơ.  - GV hướng dẫn cách thực hiện: HS đọc lại mỗi từ *chân* trong các đoạn thơ và xác định nghĩa của môi từ đó. Sau khi xác định nghĩa của mỗi từ *chân,* suy nghĩ xem các nghĩa đó có quan hệ với nhau như thế nào. HS viết nghĩa của từ ra giấy nháp.  - Mời đại diện nhóm trình bày kết quả. Cả lớp và GV nhận xét.    Bài 3  - Mời HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS làm việc cá nhân  - Tổ chức cho HS làm việc theo nhóm 2  - GV đi các nhóm, ghi chép các câu hay, thể hiện đúng các nghĩa của hai từ đa nghĩa *mũi* và *cao* như yêu cầu của bài để chữa chung trước lớp; GV cũng có thể chữa bài riêng cho những em viêt câu chưa đúng hoặc dùng từ đa nghĩa chưa đúng yêu cầu.  - GV mời một số HS đọc các câu HS đã đặt trước lớp.  - Nhận xét  Lưu ý: Đây là dạng bài tập mở và khó. HS phải viết được câu hay, phân biệt được các nghĩa của từ đa nghĩa đó. GV cần khích lệ HS cố gắng. Nếu HS chưa phân biệt được các nghĩa của từ đa nghĩa qua câu đã đặt thì gợi ý thêm để giúp học sinh đặt câu cho phù hợp hơn. | - 2 HS đọc  - HS làm việc cá nhân theo HD trước khi trao đổi theo cặp để đối chiếu kết quả.  - Đại diện TB  a. Từ *hạt* chỉ bộ phận nằm trong quả, có thể nảy mầm thành cây con. Đây là nghĩa gốc.  b. Từ *hạt* chỉ lượng nhỏ chất lỏng có hình giống như hạt của quả. Đây là nghĩa chuyển.  - HS đọc  - Nghe HD  - HS làm việc cá nhân, sau đó chia sẻ theo nhóm 4  - Đại diện nhóm TB  + Ba từ *chân* trong đoạn a được dùng với nghĩa chuyển, chỉ phần dưới cùng của một vật (cái com-pa, cái gậy, cái kiềng) để đỡ vật đó có thể đứng được.  + Từ *chân* trong đoạn b được dùng với nghĩa gốc, chỉ phần dưới cùng của cơ thể người, có chức năng di chuyển (bước).  - 1 HS đọc, lớp theo dõi  - HS viết vào VBT, tự đặt câu với hai từ theo các nghĩa mà SHS nêu  - Từng HS đọc các câu mà mình đặt để cả nhóm nhận xét, góp ý.  - 1 số HS đọc |
| Vận dụng | GV giao bài tập: Hãy đặt câu và giải thích ý nghĩa của các từ sau:  tốt bụng, no bụng; xanh xanh, xanh xao; vị ngọt, nói ngọt...  - Nhận xét  - Dặn dò bài về nhà. | - 1 – 2 HS trả lời trước lớp.  VD:  - Hắn ăn ngấu nghiến cho tới khi no bụng. (bụng: bộ phận của cơ thể; nghĩa gốc)  - Lan là một bạn nữ rất tốt bụng. (bụng: chỉ phần bên trong, tính cách; nghĩa chuyển).  - Chiếc bút máy xanh xanh kia trông đẹp thật.  - Sau trận ốm ấy, trông nó xanh xao lắm.  - Mai rất thích những chiếc bánh quy có vị ngọt thanh mà mẹ mua trong ngày sinh nhật mình.  - Giọng nói ngọt ngào của cô ấy khiến mọi người đều thích thú  - HS lắng nghe |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Đạo đức: Tiết 8**

**BÀI 3: VƯỢT QUA KHÓ KHĂN (TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết được những khó khăn cần phải vượt qua trong học tập và trong cuộc sống.

- Kể được một số biểu hiện của vượt qua khó khăn.

- Biết vì sao phải vượt qua khó khăn.

- Biết vượt qua một số khó khăn của bản thân trong học tập và sinh hoạt.

- Quý trọng gương vượt khó trong học tập và cuộc sống

- Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện được những việc làm cần thiết để vượt qua những khó khăn trong học tập và trong cuộc sống.

- Chăm chỉ, trách nhiệm: Thể hiện qua việc biết vượt qua một số khó khăn của bản thân trong học tập và sinh hoạt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh:** SHS. Tranh ảnh, tư liệu, video sưu tầm

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh, ai đúng?” và phổ biến luật chơi  - GV chia lớp thành 2 đội, mỗi đội lần lượt tìm ra các câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ nói về đức tính siêng năng, kiên trì, vượt khó trong học tập và cuộc sống.  - GV quy định đội nào tìm được nhiều câu đúng và nhanh nhất sẽ thắng cuộc.  - GV nhận xét, kết luận, dẫn vào bài mới: Trong cuộc sống và học tập của mỗi người luôn xuất hiện những khó khăn đòi hỏi chúng ta cần phải vượt qua. Biết vượt qua khó khăn không những sẽ giúp chúng thành công mà việc nhận biết những thử thách và vượt qua chúng còn khiến ta cảm thấy tự tin hơn và có thể đối mặt với bất cứ tình huống nào trong cuộc sống. Bài học “Bài 3 – Vượt qua khó khăn” ngày hôm nay sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn điều đó. | - HS tham gia trò chơi với một số câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ nói về đức tính siêng năng, kiên trì, vượt khó trong học tập và cuộc sống như:  + Có chí thì nên.  + Kiến tha lâu cũng đầy tổ.  + Nước chảy đá mòn.  + Năng nhặt chặt bị.  + Có công mài sắt có ngày nên kim.  + Cần cù bù thông minh.  + Nên thợ nên thầy nhờ có học/ No ăn, no mặc bởi hay làm.  - HS lắng nghe |
| Khám phá | 1. Nhận biết những khó khăn cần phải vượt qua trong học tập và trong cuộc sống  - GV trình chiếu tranh 1 – 5 SGK tr.19-20.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi: Em hãy chỉ ra khó khăn của các bạn trong bức tranh trên.  - GV đưa ra câu hỏi mở rộng: Kể thêm những khó khăn khác trong học tập và cuộc sống mà em biết.  - GV nhận xét và kết luận:Bất cứ ai trong cuộc đời đều gặp phải những khó khăn cần phải vượt qua. Lứa tuổi HS chúng ta cũng có những khó khăn của mình. Việc nhận ra những khó khăn sẽ giúp chúng ta có nghị lực và biết cách vượt qua.  - GV mở rộng cho HS xem video bài hát “Đường đến ngày vinh quang”:  2. Tìm hiểu biểu hiện và ý nghĩa của việc biết vượt qua khó khăn trong học tập và cuộc sống.  - GV yêu cầu HS đọc thầm nội dung câu chuyện “Chăm ngoan, học giỏi” SGK tr.20-21.  - GV mời 1 HS đọc diễn cảm câu chuyện trước lớp. HS khác theo dõi và đọc thầm theo.  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi:  + Bạn Huế đã vượt qua khó khăn như thế nào?  + Nêu cảm nghĩ của em về tấm gương vượt khó của Huế.  + Theo em, vì sao chúng ta cần biết vượt qua những khó khăn trong học tập và cuộc sống?  - GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập, kết luận:  + Khó khăn luôn xuất hiện trong học tập và cuộc sống của mỗi người. Để thành công, mỗi người cần phải đối diện với nó và tìm cách vượt qua.  + Vượt qua khó khăn giúp con người rèn luyện được những phẩm chất và kĩ năng quý báu như siêng năng, kiên trì, giao tiếp, hợp tác, kiên định mục tiêu.  - GV yêu cầu học sinh làm việc theo cá nhân, đọc thông điệp SGK tr.24:  Không có việc gì khó  Chỉ sợ lòng không bền  Đào núi và lấp biển  Quyết chí ắt làm nên.  (Hồ Chí Minh)  - GV mời 2 – 3 HS chia sẻ ý nghĩa của thông điệp.  - GV chốt kiến thức: Mọi điều dù có khó khăn đến đâu đều có thể hoàn thành chỉ cần con người ta có ý chí quyết tâm vượt qua nó. | - HS quan sát tranh, trả lời câu hỏi và bổ sung:  + Tranh 1: Bạn nam gặp khó khăn trong việc nhớ lại kiến thức đã được học từ học kì trước.  + Tranh 2: Bạn nữ hay bị mất bình tĩnh và quên hết những điều định nói mỗi khi phát biểu trước lớp.  + Tranh 3: Bạn nữ bị các bạn hiểu lầm, nói những điều không hay về bản thân.  + Tranh 4: Bạn nữ gặp khó khăn trong việc học tập, sắp tới có bài kiểm tra cuối kì mà bạn lại bị ốm.  + Tranh 5: Bạn nam gặp khó khăn trong cuộc sống, bố mẹ bạn đi làm ăn xa trong khi ông bà của bạn lại bị ốm, bạn phải làm rất nhiều việc nhà.  - Ngoài ra, chúng ta còn có thể gặp phải những khó khăn khác như: gặp khó khăn trong việc hiểu bài giảng, dễ bị xao nhãng, trì hoãn công việc, khả năng tập trung ngắn hạn, hay phạm lỗi do bất cẩn, chịu áp lực từ gia đình, thay đổi môi trường sống, có nhiều thứ để học nhưng lại có quá ít thời gian  - HS lắng nghe  - HS xem video bài hát  - HS đọc thầm nội dung SGK.  - HS đọc diễn cảm trước lớp.  - HS thảo luận nhóm đôi. Đại diện nhóm trình bày kết quả  + Bạn Huế gặp nhiều khó khăn cả trong học tập và cuộc sống như: Không được sống với bố mẹ, bạn sống cùng ông bà trong khi ông bà thì hay đau ốm, kinh tế eo hẹp. Hằng ngày, bạn phải dành thời gian làm nhiều việc nhà để giúp đỡ ông bà như quét nhà, nấu cơm, nấu cám cho lợn. Bên cạnh đó, để đến được trường học, bạn phải dậy rất sớm để đi bộ đến trường.  + Em rất khâm phục và ngưỡng mộ bạn Huế. Em sẽ noi gương bạn để trở thành một người con ngoan, trò giỏi.  + Cần biết vượt qua những khó khăn trong học tập và cuộc sống vì khó khăn là điều luôn xảy ra khi sống và làm việc  - Lắng nghe  - HS đọc thông điệp.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, ghi nhớ. |
| Vận dụng | - GV cho HS xem video mở rộng câu chuyện “Có công mài sắt có ngày nên kim”  - GV hỏi HS: Câu chuyện khuyên chúng ta điều gì?  - GV nhận xét tiết học.  - Dặn dò về nhà. | - HS xem video  - HS nêu: Câu chuyện khuyên chúng ta phải biết kiên nhẫn, bền bỉ, kiên nhẫn trong công việc mới đem lại thành công.  - HS lắng nghe |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiếng Việt: Tiết 52**

**VIẾT: VIẾT BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Viết được bài văn tả cảnh

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học vào thực tiễn

- Thông qua bài học, biết yêu phong cảnh xung quanh, biết cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh:** SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV yêu cầu HS nhắc lại cách viết bài văn tả phong cảnh  - GV giới thiệu bài học cho HS: Buổi học trước chúng ta đã tìm hiểu được các cách viết đoạn văn tả phong cảnh. Ở buổi học này, chúng ta sẽ đi thực hành viết bài văn tả phong cảnh. | - HS nhắc lại kiến thức đã học.  Bài văn tả phong cảnh gồm 3 phần:  + Mở bài: Giới thiệu khái quát về phong cảnh.  + Thân bài: Tả lần lượt từng phần hoặc từng vẻ đẹp của phong cảnh.  + Kết bài: Nêu nhận xét hoặc cảm nghĩ về phong cảnh.  - HS chú ý lắng nghe. |
| Thực hành | **1. Chuẩn bị**  **-** GV tổ chức cho HS xác định yêu cầu của hai đề bài  - GV hướng dẫn HS lựa chọn một trong hai đề, xác định yêu cầu trọng tâm của đề bài, sau đó thực hiện các bước sau:  + Lựa chọn một cảnh cụ thể để tả.  + Nhớ các đặc điểm nổi bật của cảnh  + Lựa chọn cách viết sáng tạo  - GV hướng dẫn HS cần chú ý khi viết đoạn văn:  + Trình bày rõ ràng 3 phần mở bài, thân bài, kết bài.  + Tả kĩ hơn những sự vật, hiện tượng đặc sắc, làm nên vẻ đẹp riêng cho phong cảnh được miêu tả.  + Lựa chọn từ ngữ có sức gợi tả để làm nổi bật đặc điểm của sự vật, hiện tượng; kết hợp sử dụng biện pháp so sánh, nhân hóa,… để lời văn thêm sinh động, có sức cuốn hút đối với người đọc.  2. Viết bài  - Yêu cầu HS viết bài vào giấy  - GV quan sát HS, hỗ trợ khi HS đề đạt yêu cầu hoặc hỗ trợ những em có những hạn chế về kĩ năng viết. GV ghi chép ưu điểm, nhược điểm chính của cả lớp hoặc của từng nhóm HS hay một số HS điển hình.  3. Đọc soát và chỉnh sửa bài văn  **-** GV tổ chức cho HS xác định yêu cầu của hoạt động: Đọc soát và chỉnh sửa.  - GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ hoạt động.  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS. | - HS đọc yêu cầu của đề bài.  Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:  Đề 1: Tả một cảnh ao hồ, sông suối ở quê hương em hoặc ở nơi gia đình em sinh sống.  Đề 2: Tả một cảnh biển đảo em đã được tận mắt hoặc xem trên phim ảnh.  - HS lắng nghe hướng dẫn  - HS chú ý lắng nghe.  - HS làm bài cá nhân: viết bài dựa vào dàn ý (đảm bảo bài văn có đủ 3 phần), chú ý viết câu văn sử dụng những từ ngữ gợi tả (VD: những tính từ gợi hình ảnh, âm thanh, màu sắc,... gây ấn tượng mạnh), sử dụng biện pháp so sánh, nhân hoá,...  - HS đọc lại bài, tự rà soát, phát hiện lỗi (về bố cục, trình tự sắp xếp ý, cách dùng từ, viết câu,...).  - HS sửa lỗi hoặc ghi chép lỗi cần sửa (nêu có). |
| Vận dụng | - GV tổ chức cho HS xác định yêu cầu của hoạt động:  1. Đọc bài văn của em cho người thân nghe và tiếp thu góp ý.  2. Tìm đọc đoạn văn, bài văn tả cảnh miền núi, trung du, đồng bằng,… và chép lại những câu văn hay.  - GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà hoàn thiện.  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS và chốt lại kiến thức. | - HS đọc bài văn tả cảnh của mình cho người thân nghe và lắng nghe các ý kiến góp ý; có thể trao đổi với người thân để hiểu rõ hơn các góp ý hoặc để người thân hiểu rõ những yêu cầu của bài văn tả phong cảnh.  - HS tìm đọc đoạn văn, bài văn tả cảnh miền núi, trung du, đồng bằng,... và ghi chép câu văn, đoạn văn hay để học tập cách tả phong cảnh. |

**Khoa học: Tiết 14**

**BÀI 7. VAI TRÒ CỦA NĂNG LƯỢNG (TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Trình bày được một số nguồn năng lượng thông dụng và việc sử dụng chúng trong cuộc sống hàng ngày

- Ham hiểu biết tìm hiểu về năng lượng và vai trò của năng lượng

- Trách nhiệm và trung thực trong báo cáo kết quả thảo luận.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** phiếu học tập sưu tầm thông tin, hình ảnh về năng lượng, thủy triều, năng lượng sinh khối.

**2. Học sinh:** SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV tạo tình huống tổ chức sinh nhật một bạn hoặc các bạn cùng sinh nhật trong tháng ở lớp, giáo viên thắp nến bánh sinh nhật và cho cả lớp hát chúc mừng sinh nhật. Sau đó, giáo viên tặng cho học sinh một món quà là chiếc ô tô đồ chơi giáo viên hỏi:  - Để chúc mừng sinh nhật bạn, các em vừa có những hoạt động gì?  - Để thực hiện các hoạt động hát, nhảy vận động đó, chúng ta lấy năng lượng từ đâu?  - GV mời một số học sinh trình bày  - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Năng lượng các em đã kể được lấy từ đâu? Con người sử dụng các năng lượng đó trong cuộc sống như thế nào?  Hôm nay, lớp chúng mình sẽ cùng nhau đến với bài học “Vai trò của năng lượng”. | - Cả lớp hát và thực hiện các hoạt động GV tổ chức.  - Hát, nhảy, múa, nói, cười, thổi nến, tặng quà.  - Các hoạt động đó lấy năng lượng từ thức ăn và nước uống.  - HS trình bày  - HS lắng nghe. |
| Khám phá | **1.** Tìm hiểu một số nguồn năng lượng  - GV yêu cầu học sinh đọc nội dung khung thông tin, mời một học sinh đọc trước lớp.  - Giáo viên phân tích nội dung thông tin thông qua các hoạt động thực tế đã tổ chức ở phần mở đầu.  - GV mời học sinh được tặng xe ô tô đồ chơi lên thực hiện cho các bạn quan sát và hỏi: Khi đẩy chiếc ôtô em thấy có hiện tượng gì xảy ra? Vật nào đã cung cấp năng lượng cho hoạt động đó?  - Khi thắp nến ở bánh gatô, vì sao ta lại thấy có ánh sáng phát ra và tỏa nhiệt?  - GV dẫn dắt, tay ta làm cho xe chạy, ngọn nến cháy tỏa ra ánh sáng… Tay ta, ngọn nến cháy được gọi là nguồn năng lượng. Trong cuộc sống hàng ngày còn có nhiều nguồn năng lượng khác. Chúng ta sẽ tìm hiểu ở hoạt động tiếp theo.  **-** HS quan sát hình 1, thảo luận nhóm nêu tên nguồn năng lượng cung cấp cho hoạt động của con người, động vật, thực vật, máy móc ở mỗi hình:  - GV sử dụng các câu hỏi gợi mở cho học sinh thảo luận:  - Hình 1a mặt trời có vai trò như thế nào đối với cây rau?  - Hình 1b: Xe máy chạy được nhờ có nguồn năng lượng nào?  - Hình 1c con trâu lấy nguồn năng lượng từ đâu để sống và phát triển?  - Hình 1d chong chóng quay được là nhờ nguồn năng lượng nào?  - Hình 1e để nấu chín cơm bằng nồi cơm điện cần lấy năng lượng từ đâu?  - Hình 1g cọn nước lấy nguồn năng lượng từ đâu để quay?  - GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV kết luận: Khi đẩy một chiếc xe đồ chơi tay ta đã cung cấp năng lượng làm xe chuyển động. Khi thắp nến ta thấy ánh sáng tỏa ra vì ngọn nến đã cung cấp năng lượng cho việc phát sáng và tỏa nhiệt. Con người, động vật, thực vật đều cần năng lượng để sống và phát triển.  **2.** Vai trò của những nguồn năng lượng trong đời sống.  - Giáo viên yêu cầu học sinh dựa vào kiến thức đã biết và tìm hiểu thông tin về các nguồn năng lượng khác, yêu cầu thảo luận nhóm, các nhóm vẽ viết về một số nguồn năng lượng có ở xung quanh em vào vào khổ giấy A3 theo gợi ý:  - Tên nguồn năng lượng.  - Vai trò của những nguồn năng lượng đó trong đời sống.  - Điều gì sẽ xảy ra nếu không có các nguồn năng lượng?  - Giáo viên yêu cầu các nhóm dán sản phẩm của nhóm lên bảng và 1 đến 2 nhóm trình bày trước lớp về sản phẩm của nhóm mình.  - GV tổ chức cho các nhóm nhận xét lẫn nhau và bình chọn sản phẩm được yêu thích nhất.  - GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của các nhóm. | - 1 học sinh đọc thông tin, cả lớp đọc thầm.  - Học sinh dựa vào thực tế và hiểu biết để trả lời: Khi bị đẩy, chiếc ô tô sẽ chạy về phía trướ, tay ta đã cung cấp năng lượng làm xe chuyển động.  - Khi thắp nến ở bánh gato có ánh sáng phát ra và tỏa nhiệt vì ngọn nến đã cung cấp năng lượng cho việc phát sáng và tỏa nhiệt.  - HS lắng nghe.  - Học sinh quan sát các đối tượng thực vật, động vật, con người, máy móc và phương tiện giao thông có trong hình 1.  - HS thảo luận nhóm theo các câu hỏi gợi mở của giáo viên trả lời được:  a. Mặt trời cung cấp năng lượng cho rau trong vườn sống và phát triển.  b. Xăng cung cấp năng lượng cho xe máy chở người di chuyển.  c. Mặt trời cung cấp năng lượng cho cỏ sống và phát triển, cỏ cung cấp năng lượng cho trâu.  d. Gió cung cấp năng lượng cho chong chóng và tuabin gió hoạt động.  e. Nguồn điện cung cấp năng lượng cho nồi cơm điện nấu chín, cơm cung cấp năng lượng cho con người.  g. Nước chảy cung cấp năng lượng cho cọn nước quay.  - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận, các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  - HS lắng nghe, ghi nhớ.  - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ.  - Các nhóm dán sản phẩm lên bảng. Đại diện 2 nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét và bổ sung (nếu có).  - Học sinh lắng nghe. |
| Thực hành | - GV tổ chức trò chơi:  - Luật chơi:  + Ba đội tham gia trò chơi tương ứng với ba nhóm theo các gợi ý đã nêu trong hoạt động khám khá. Mỗi đội khoảng 3 HS:  + HS1: Đứng cuối hàng, nghĩ ra tên một nguồn năng lượng rồi dùng ngón tay viết lên lưng HS2 (bạn đứng trước mình).  + HS 2 dùng ngón tay viết tên nguồn năng lượng lên lưng HS3 (bạn đứng đầu hàng).  + HS3 viết mô tả vai trò của nguồn năng lượng đó lên bảng rồi giơ lên cho các bạn dưới lớp đoán tên đó là nguồn năng lượng gì.  + HS nào dưới lớp đoán đúng tên nguồn năng lượng sẽ được tuyên dương.  + Trong 5 phút, đội nào có nguồn năng lượng được đoán đúng nhiều nhất sẽ là đội chiến thắng.  - GV tổng kết trò chơi.  - GV nhận xét chung tuyên dương các nhóm. | - HS lắng nghe luật chơi.  - HS tham gia chơi.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| Vận dụng | - GV mời HS chia sẻ về một số nguồn năng lượng của gia đình, địa phương em, giải thích vai trò của những nguồn năng lượng đó.  - GV nhận xét tuyên dương.  - Nhận xét sau tiết dạy.  - Dặn dò về nhà. | - Học sinh tham gia chia sẻ  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Ngày soạn: 26/10/2024*

*Ngày soạn: Thứ Ba (29/10/ 2024)*

**Toán: Tiết 37**

**BÀI 17: THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM VỚIMỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO**

**ĐẠI LƯỢNG (TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Thực hành các hoạt động liên quan đến đo lường và tính toán diện tích gắn với thực tiễn.

- Qua việc mô tả các hiện tượng quan sát được, diễn giải câu trả lời được đưa ra, HS có thể hình thành và phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

- Cùng với hoạt động trên, qua hoạt động diễn đạt, trả lời câu hỏi (bằng cách nói hoặc viết) mà GV đặt ra sẽ giúp HS phát triển năng lực giao tiếp toán học.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh:** SGK, vở ghi, dụng cụ học tập theo yêu cầu của bài học

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV tổ chức trò chơi “Nông trại vui vẻ”  Câu 1. Nước ta có bao nhiêu dân tộc?  Câu 2. Dân tộc có số dân đông nhất là  Câu 3. Dân cư tập trung thưa thớt ở đâu?  Câu 4. Dân số nước ta chủ yếu sống ở thành thị. Đúng hay sai?  - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới. | - HS tham gia trò chơi  - 54  - Kinh  - Vùng núi  - Sai |
| Luyện tập | - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và thực hiện yêu cầu: Đọc lược đồ phân bố dân cư Việt Nam năm 2021, hãy kể tên 3 tỉnh, thành phố có mật độ dân số cao nhất và 3 tỉnh, thành phố có mật độ dân số thấp nhất.  - GV mời một số HS trình bày trước lớp. Các nhóm khác nhận xét.  - GV ghi nhận đáp án hợp lí:  + Nơi có mật độ dân số cao: Hà Nội, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, TP. Hồ Chí Minh.  + Nơi có mật độ dân số thấp: Kon Tum, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn. | - HS làm việc cá nhân.  - HS trình bày.  - HS lắng nghe, tiếp thu. |
| Vận dụng | - GV mời yêu cầu phần vận dụng  - Yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ: Tìm hiểu và viết đoạn văn ngắn (5 – 7 câu) về một dân tộc ở nước ta (tên, nơi sinh sống, trang phục, lễ hội,...) và chia sẻ với các bạn.  - GV mời HS trao đổi với GV và các HS khác về bài tập của mình. Các HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá, khích lệ HS.  - Nếu HS chưa tìm hiểu được có thể cho HS chia sẻ vào đầu giờ học sau  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Đố vui”.  - GV đọc từng câu hỏi và HS giơ tay để phát biểu. GV công bố đáp án sau khi HS trả lời.  Câu 1: Trung bình mỗi năm dân số nước ta tăng thêm:  A. 1,2 triệu dân.  B. 1 triệu dân.  C. 1,5 triệu dân.  D. 1,8 triệu dân.  Câu 2: Trong thời gian gần đây tốc độ gia tăng dân số nước ta:  A. Giảm.  B. Tăng.  C. Ổn định.  D. Không ổn định.  Câu 3: Nội dung nào **không** đúng với dân cư, dân tộc ở nước ta?  A. Các dân tộc luôn đoàn kết bên nhau.  B. Các dân tộc luôn phát huy truyền thống sản xuất.  C. Mức sống của các dân tộc ít người đã ở mức cao.  D. Sự phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng còn chênh lệch.  Câu 4: Đâu **không** phải là một trong những dân tộc có số dân đông nhất nước ta?  A. Kinh.  B. Thái.  C. Tày.  D. Ê-đê.  Câu 5: Tây Bắc là vùng có:  A. Mật độ dân số thấp nhất nước ta.  B. Mật độ dân số cao nhất nước ta.  C. Nhiều tài nguyên dầu khí nhất nước ta.  D. Nền kinh tế phát triển nhất nước ta.  - Nhận xét HS tham gia chơi  - Tổng kết giờ học  - Dặn dò chuẩn bị giờ học sau | - HS đọc  - HS viết đoạn văn  - HS chia sẻ bài viết  - HS tham gia   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Câu 1 | Câu 2 | Câu 3 | Câu 4 | Câu 5 | | B | A | C | D | A | |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiếng Việt: Tiết 53 + 54**

**ĐỌC: XIN CHÀO, XA-HA-RA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện Xin chào, Xa-ha-ra. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp, nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật.

- Nhận biết được trình tự các sự việc gắn với thời gian, địa điểm cụ thể. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật, nêu được đặc điếm các nhân vật trong câu chuyện dựa vào hành động, lời nói của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Thiên nhiên xung quanh ta vô cùng kì diệu và có vô vàn điều thú vị để khám phá

- Biết yêu thiên nhiên và trân trọng các sự vật thuộc về tự nhiên, có ý thức tìm tòi thông tin để hiểu biết về thiên nhiên, có mong muốn được khám phá, trải nghiệm những điều thú vị của thiên nhiên, biết tự hào về danh lam thắng cảnh của đất nước.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Máy tính, máy chiếu

**2. Học sinh:** SGK, vở

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV cho HS xem video về sa mạc Xa-ha-ra, yêu cầu HS quan sát tranh và nêu cảm nhận của em về những điều nhìn thấy trong tranh (GV khuyến khích HS vừa chia sẻ vừa bộc lộ cảm xúc của bản thân), rồi dẫn vào bài đọc.  - Gọi HS nhận xét.  - GV dẫn dắt vào bài học: Bài đọc “Xin chào, Xa-ha-ra” miêu tả hoang mạc Xa-ha-ra nhiều cát, nắng và gió, là một địa điểm có thời tiết khắc nghiệt nhưng bình minh rất đẹp, thu hút nhiều người đến từ nơi khác nhau. | - HS xem video, chia sẻ  - HS nhận xét  - HS lắng nghe và tiếp thu. |
| Khám phá | 1. Luyện đọc  - GV đọc mẫu, nêu giọng đọc, chú ý tới giọng đọc, các từ ngữ thể hiện ngữ điệu, tâm trạng của nhân vật trong văn bản.  - GV hỏi HS: Theo em, văn bản này có mấy đoạn?  - GV gọi 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn.  - GV hướng dẫn HS đọc và luyện đọc một số từ khó, hướng dẫn cách ngắt nghỉ, luyện đọc một số câu dài và luyện đọc một số câu thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:  + Luyện đọc một số từ khó: đỏ quạch, rải lửa, lừng lững, nắng non, lóng lánh,…  + Luyện đọc câu dài:  Cát sa mạc mịn như bột/ và mỏng manh như gió bụi,/ không to như cát Phan Thiết/ hay ẩm ướt như cát Sầm Sơn. //  Mọi người nằm kềnh ra những tấm chiếu dạ trải trên cát/ để ngắm sao,/ tận hưởng đêm duy nhất giữa sa mạc mênh mông.//  + Luyện đọc câu nói cảm xúc của nhân vật: Giọng reo hò, mừng rỡ, choáng ngợp, thích thú: Xin chào, Xa-ha-ra.  - GV gọi 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn.  - GV hướng dẫn HS giải nghĩa một số từ khó:  + Quành: vòng ngược lại hoặc rẽ sang một bên.  + Túp lều du mục: lều của những người không cố định nơi ở, họ di chuyển nhiều nơi để thuận lợi cho việc chăn nuôi gia súc.  + Cồn cát: dải cát lớn nổi lên thành dãy.  - Tổ chức cho HS luyện đọc trong nhóm và thi đọc.  - GV nhận xét, tuyên dương  2. Tìm hiểu bài  - GV tổ chức cho HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận trong nhóm để trả lời từng câu hỏi, GV nhận xét và chốt câu trả lời cho từng câu hỏi  + Câu 1: Tìm những chi tiết miêu tả sự khắc nghiệt của thiên nhiên:  . Trên con đường dẫn đến sa mạc Xa-ha-ra.  . Ở sa mạc Xa-ha-ra.  + Câu 2: Nhân vật “tôi” có cảm xúc gì khi được đến Xa-ha-ra? Cảm xúc đó được thể hiện ra sao?  + Câu 3: Những điều đặc biệt ở Xa-ha-ra được miêu tả như thế nào?  + Câu 4: Theo em, chi tiết đoàn khách du lịch muốn nằm ngoài trời để ngắm sao cho thấy cảm xúc gì của họ?  + Câu 5: Câu cuối bài đọc cho biết điều gì? Chọn câu trả lời dưới đây và nêu ý kiến của em.  A. Thiên nhiên quá hùng vĩ, con người quá bé nhỏ.  B. Ở một nơi kì vĩ như Xa-ha-ra, con người chỉ cần chú ý đến cảnh sắc thiên nhiên.  C. Thiên nhiên giúp xóa nhòa khoảng cách giữa người với người.  - GV yêu cầu HS rút ra nội dung bài đọc  - GV chốt nội dung, gọi HS đọc lại: Sa mạc khắc nghiệt nhưng là ước mơ, là đam mê của những người chưa từng được đến đây. Thời tiết, địa chất, con vật nơi đây đều độc đáo, làm cho những vị khách ghé thăm khó có thể quên được; từ sa mạc mà ngẫm nghĩ nhiều hơn về cuộc đời này. | - HS lắng nghe GV đọc.  - Bài được chia làm 4 đoạn.  + Đoạn 1: Sang phía nam... “Xin chào, Xa-ha-ra.”.  + Đoạn 2: tiếp theo đến vô địch.  + Đoạn 3: tiếp theo đến mênh mông.  + Đoạn 4: phần còn lại.  - 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn.  - HS đọc từ khó  - 2-3 HS đọc câu  - 4 HS đọc  - HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ.  - Luyện đọc nhóm 4, thi đọc  - HS lắng nghe  - HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi    - Trên đường đến Xa-ha-ra: Những rặng đá xám xỉn màu rồi ngả sang đen rám hoặc đỏ quạch; bốn bề giống như sao Hỏa, không gian như phim khoa học viễn tưởng. Ý chỉ không gian khắc nghiệt, giống như không có sự sống.  - Ở Xa-ha-ra: Nắng như rải lửa, nắng sấy tóc của con người giòn tan. Thời tiết khắc nghiệt.  - Nhân vật “tôi” phấn khích khi được đến Xa-ha-ra vì đây là sa mạc lớn nhất châu Phi, một trong những nơi hoang vu nhất địa cầu. Sự phấn khích thể hiện ở chi tiết nhân vật “tôi” quên cả nắng nóng vì bận thì thầm chào Xa-ha-ra, nhân vật “tôi” cảm nhận được giấc mơ đã thành sự thật vì có thể giẫm lên cát, sờ vào cát, cảm nhận cát khác biệt như thế nào với những nơi nhân vật “tôi” đã biết,….  - Thời tiết: nhiệt độ chênh lệch rất lớn giữa ngày và đêm(ngày nóng như rải lửa,đêm rất mát ,thậm chí lạnh).  - Cát :mịn khô và rất nhỏ (mịn như bột và mỏng manh như gió bụi, không to như cát Phan Thiết hay ẩm ướt như cát Sầm Sơn).  - Lạc đà:Cao lớn chạy rất nhanh (cao lừng lững, vô địch về chạy trên cát núi).  - Cảnh bình minh :Rất đẹp (những cồn cát óng vàng vây quanh những cánh lều vuông vắn, bầu trời nhu nhú ánh bình minh rồi rải nắng non lóng lánh trên những hạt cát mịn.)  - Cảm xúc của đoàn khách du lịch: Sung sướng, háo hức, muốn tận hưởng thiên nhiên, tận hưởng thời gian quý giá, không muốn bỏ lỡ bất cứ điều gì của thiên nhiên xung quanh,…  - HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng.  - HS nêu |
| Luyện tập | 1. Luyện đọc lại  **-** GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm văn bản.  - Giáo viên đọc mẫu.  - HS luyện đọc diễn cảm đoạn theo cặp.  - Thi chọn người đọc hay nhất.  2. Luyện tập theo văn bản  Câu 1  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu và ví dụ trong SHS.  - GV hướng dẫn HS làm việc trong nhóm đôi.  - Đại diện nhóm phát biểu trước lớp. GV và cả lớp nhận xét, góp ý và tổng hợp đáp án. GV ghi các từ ngữ HS tìm được lên bảng.  - Nhận xét  Câu 2  -GV mời 1 HS nêu yêu cầu của bài tập 2. - GV huớng dẫn HS cách làm bài tập theo các bước:  + HS đọc kĩ câu đã cho, xác định từ cần tra nghĩa.  + HS tra từ điển lần lượt nghĩa của từng từ, xác định nghĩa nào tương ứng với nghĩa được dùng trong câu văn.   * Mời HS chia sẻ kết quả. GV và cả lớp nhận xét, góp ý.   - GV có thể mở rộng yêu cầu (Tìm thêm nghĩa khác của mỗi từ).  Câu 3  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu và hai nghĩa của từ “thổi”.   * GV hướng dẫn HS làm việc trong nhóm 4 * Đại diện 1 - 2 nhóm phát biểu trước lớp. GV và cả lớp nhận xét, góp ý. * GV khen ngợi các HS đặt được những câu hay, sinh động. | - HS lắng nghe; tìm giọng đọc và các từ ngữ cần nhấn giọng.  - 1 – 2 HS đọc lại.  - HS luyện đọc theo cặp.  - 2 – 3 HS thi đọc.  - 1 HS đọc, lớp theo dõi  - HS chuẩn bị câu trả lời cá nhân và nêu trong nhóm. HS khác góp ý, nhận xét.  - HS chia sẻ  Mênh mông – nhỏ bé  Nóng bức – mát lạnh  Khô - ẩm ướt  Khô cằn – màu mỡ  Mịn màng – gồ ghề  Hung vĩ – nhỏ nhoi  - HS nêu  - Làm việc cá nhân  - HS chia sẻ  + Từ tối và lạnh được dùng trong câu với nghĩa gốc  - HS tra từ điển để tìm thêm nghĩa khác của mỗi từ, sau đó nêu kết quả  VD:  Tối: màu sẫm, không tươi sáng (Bức tranh màu rất tối.)  Lạnh: tỏ ra không có chút tình cảm gì trong quan hệ giữa người với người. (Giọng nói của nó cứ lạnh như không.).  - HS đọc thầm lại hai nghĩa của từ “thổi”, chuấn bị câu trả lời cá nhân và nêu trong nhóm. Các HS khác góp ý, nhận xét.  a. Chỉ cần chụm miệng thổi vào đầu chiếc que thần kì, một chùm bong bóng tròn xoe, lấp lánh sẽ bay ra, lơ lửng, lơ lửng.  b. Gió thổi qua những kẽ lá làm lá cây rung lên xào xạc. |
| Vận dụng | - GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân và nêu cảm xúc của mình sau khi học xong bài “Xin chào, Xa-ha-ra”.  - Chia sẻ bài đọc với người thân  - Nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết dạy.  - Dặn dò bài về nhà | - HS suy nghĩ cá nhân và đưa ra những cảm xúc của mình.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Lịch sử và Địa lí: Tiết 13**

**Bài 5: NHÀ NƯỚC VĂN LANG, NHÀ NƯỚC ÂU LẠC (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học, học sinh:

- Sử dụng kiến thức lịch sử và một số truyền thuyết lịch sử mô tả được đời sống kinh tế của nhà nước Văn lang, Âu Lạc.

- Năng lực tự chủ, tự học: Thông qua các hoạt động học tập mang tính cá nhân, tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết vấn đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động học.

- Phẩm chất yêu nước: Biết ghi nhớ công ơn dựng nước của tổ tiên thông qua tìm hiểu cội nguồn của dân tộc từ thời nước Văn Lang, Âu lạc.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi trong tìm hiểu về Lịch sử và Địa lí.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trân trọng và giữ gìn, phát huy những di tích lịch sử, truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp có từ thời Văn lang, Âu Lạc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh:** SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động** | - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Thông điệp bí ẩn  - Luật chơi: GV lần lượt nêu những gợi ý về 1 câu chuyện truyền thuyết của Việt Nam. HS đoán tên câu chuyện càng nhanh càng tốt để nhận 1 phần quà của GV.  - Gợi ý:  + Câu chuyện xảy ra vào thời Hùng Vương thứ sáu.  + Hùng Vương muốn nhường ngôi nên nghĩ cách tìm người tài  + Nhắc đến một phong tục tập quán ngày tết  + Bánh hình vuông tượng trưng cho đất, bánh hình tròn tượng trưng cho trời  - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới. | - HS chơi trò chơi.  - Sự tích bánh trưng, bánh giầy  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá** | **Hoạt động 1. Tìm hiểu đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc (Thảo luận nhóm 4)**  - GV yêu cầu HS kết hợp đọc thông tin, quan sát hình 4 đến 6 và trả lời các câu hỏi:  + Mô tả những nét chính về đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc?  - GV cho đại diện các nhóm trình bày.  - GV nhận xét và tuyên dương, giới thiệu hình 4, 5, 6 và kết luận: Cư dân Văn Lang, Âu Lạc có đời sống kinh tế khá đa dạng:  + Nông nghiệp: làm ruộng. Họ trồng lúa, khoai, đỗ, cây ăn quả,... Ngoài ra họ còn biết trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ, dệt vải  + Thủ công nghiệp: đúc đồng để làm công cụ lao động, vũ khí và đồ trang sức. Họ cũng biết làm đồ gốm, đan lát, đóng thuyền, ...  **Hoạt động 2: Kể chuyện Sơn Tinh, Thủy Tinh** (làm việc cá nhân)  - GV yêu cầu HS kể chuyện Sơn Tinh, Thủy Tinh  - GV yêu cầu HS kể trước lớp  - GV gọi HS nhận xét  - GV nhận xét, tuyên dương và hỏi:  + Câu chuyện Sơn Tinh, Thủy Tinh cho em biết gì về đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc?  - GV nhận xét, tuyên dương và kết luận: Câu chuyện Sơn Tinh, Thủy Tinh cho em biết những sản phẩm phong phú của nền kinh tế nông nghiệp như: cơm nếp, bánh trưng, voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao,... Đồng thời cho thấy cư dân Văn Lang, Âu Lạc cũng thường xuyên đối phó với lũ lụt để bảo vệ sản xuất nông nghiệp. | - HS quan sát hình và đọc thông tin cùng thảo luận trả lời câu hỏi:  + Nghề chính của cư dân Văn Lang, Âu Lạc là làm ruộng. Họ trồng lúa, khoai, đỗ, cây ăn quả,... Ngoài ra họ còn biết trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ, dệt vải; Biết đúc đồng để làm công cụ lao động, vũ khí và đồ trang sức. Họ cũng biết làm đồ gốm, đan lát, đóng thuyền, ...  - Đại diện các nhóm trình bày  - HS lắng nghe.  - HS kể chuyện cá nhân  - 2 đến 3 HS kể trước lớp  - HS nhận xét  - HS lắng nghe và trả lời  + Câu chuyện Sơn Tinh, Thủy Tinh cho em biết những sản phẩm phong phú của nền kinh tế nông nghiệp như: cơm nếp, bánh trưng, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao,...  - HS lắng nghe |
| **3. Vận dụng** | - GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu thêm về câu chuyện truyền thuyết khác liên quan đến nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - Học sinh lắng nghe.  - HS lắng nghe. |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Ngày soạn: 26/10/2024*

*Ngày soạn: Thứ Tư (30/10/ 2024)*

**Toán: Tiết 38**

**BÀI 18: LUYỆN TẬP CHUNG (TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- HS ước lượng được số đo diện tích, thực hiện được việc chuyên đổi giữa một số đơn vị đo diện tích đã học

- Giải quyết được một số vấn để thực tiễn gắn với số đo diện tích.

- Qua việc mô tả các hiện tượng quan sát được, diễn giải cầu trả lời được đưa ra, HS có thể hình thành và phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

- Cùng với hoạt động trên, qua hoạt động diễn đạt, trả lời câu hỏi (bằng cách nói hoặc viết) mà GV đặt ra sẽ giúp HS phát triển năng lực giao tiếp toán học

- Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh**: SGK, vở ghi, dụng cụ học tập theo yêu cầu của bài học

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV cho HS chời trò chơi “Vượt chướng ngại vật”  Chọn câu trả lời đúng:  a) Một khu vườn có diện tích 0,15 ha. Diện tích khu vườn bằng bao nhiêu mét vuông?   |  |  | | --- | --- | | A. 15 000 m2. | B. 10 500 m2. | | C. 1 500 m2. | D. 150 m2. |   b) Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:     |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | A. 33. | B.2 508. | C. 2 580. | D. 200. |   c) Số thập phân thích hợp điền vào chỗ chấm là:     |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | A. 0,862. | B.8,62. | C. 86,2. | D. 82,6. |   d) Hình chữ nhật có diện tích 4,5 cm2, chiều dài 30 mm. Chiều rộng hình chữ nhật là:   |  |  | | --- | --- | | A. 15 cm. | B. 150 cm. | | C. 150 cm. | D. 15 mm. |   - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt HS vào bài học: Hôm nay, chúng ta sẽ ôn tập lại kiến thức về cách chuyển đổi các đơn vị đo diện tích đã học và vận dụng để giải quyết một số tình huống thực tế | - HS tham gia chơi trò chơi  - Đáp án:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | a | b | c | d | | C | B | A | D |   - HS lắng nghe. |
| Thực hành | Bài 1  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.  - GV mời lớp làm việc cá nhân  - GV mời HS đại diện trình bày  - GV mời HS nhận xét, bổ sung  - GV có thể cho HS mô tà các phần diện tích với số đo khoảng 1,5 cm2; 1,5 dm2 hay 1,5 m2 để loại các đáp án B, C và D  Bài 2  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài  - GV mời HS làm vào nháp  - GV cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh, Ai đúng”  - GV nêu cách chơi, luật chơi  - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.  - Quan sát hình  - HS trình bày: Đáp án A  - HS nhận xét, bổ sung  - HS lắng nghe, sửa sai.  - 1 HS đọc lớp lắng nghe  - HS thực hiện  - Lắng nghe  - HS tham gia  a) 2 5000 m2 = 2,5 ha  412 000 m2 = 41,2 ha  8 000 m2 = 0,8 ha  b) 11 km2 = 1 100 ha  7 km2 = 700 ha  480 km2 = 48 000 ha  - HS nhận xét, bổ sung  - HS lắng nghe |
| Vận dụng | Bài 3  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi phân tích bài toán, lựa chọn phép tính phù hợp, sau đó làm vào vở  + Khu cắm trại có diện tích bao nhiêu?  + Khu vui chơi của trẻ em rộng bao nhiêu?  + Bài toán hỏi gì?  - GV mời HS trình bày bài làm  - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, tuyên dương  Bài 4  - GV yêu cầu lớp đọc thầm nội dung bài  - GV cùng HS hỏi đáp về bài toán  - GV mời lớp làm việc nhóm 4 làm bài vào bảng nhóm  - GV yêu cầu các nhóm gắn bài làm, mời 1 nhóm TB, các nhóm đặt câu hỏi về bài làm của nhóm bạn  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV nhận xét tiết học  - Dặn dò bài về nhà | - 1 HS đọc  - HS thảo luận và làm bài  + Khu cắm trại rộng 2 ha  + Khu vui chơi chiếm diện tích mảnh đất  + Muốn tính diện tích khu cắm trại là bao nhiêu mét vuông?  - Lớp làm việc cá nhân, thực hiện theo yêu cầu.  - HS trình bày.  Bài giải  Đổi 2 ha = 20 000 m2  Diện tích khu vui chơi cho trẻ em là:  20 000 : = 15 000 (m2)  Diện tích khu cắm trại là: 20 000 – 15 000 = 5000 (m2)  Đáp số: 5 000 m2  - HS nhận xét, bổ sung  - Lắng nghe  - Cả lớp đọc  - Lớp làm việc nhóm 4  - HS trình bày, hỏi đáp về bài giải  Bài giải  Chiều dài của khu xây nhà máy là:  30 × 6 = 180 (m)  Chiều rộng khu xây nhà máy là:  30 × 3 = 90 (m)  Diện tích xây nhà máy là:  180 × 90 = 16 200 (m2) = 1,62 ha  Đáp số: 1,62 ha  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |

***Rút kinh nghiệm:***

.........................................................................................................................................

.........................................................................................................................................

**Tiếng Việt: Tiết 55**

**VIẾT: ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Biết đánh giá, chỉnh sửa bài văn tả phong cảnh.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học vào thực tiễn.

- Biết yêu quê hương, tự hào về cảnh đẹp quê hương; hình thành lòng yêu nước và phẩm chất nhân ái

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh:** SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV yêu cầu HS: Hãy nêu bố cục của bài văn tả phong cảnh?  - GV giới thiệu bài mới, ghi tên bài học. | - HS phát biểu ý kiến.  - HS ghi bài mới. |
| Luyện tập | 1. Đánh giá kết quả bài làm của HS  - Dựa trên kết quả quan sát từ tiết viết bài văn (Bài 15) và việc đọc bài làm của HS, GV nêu ý kiến nhận xét chung về kết quả bài làm văn tả phong cảnh của cả lớp (có thể theo các tiêu chí đánh giá nêu trong SHS); chỉ ra những ưu điểm, nhược điểm chính của cả lớp hoặc của từng nhóm HS hay một số HS tiêu biểu.  - Khen ngợi những HS viết được bài văn hoặc đoạn văn, câu văn hay và mời các em HS đó đọc bài văn, đoạn văn hay, câu văn hay, thể hiện sự sáng tạo, cuốn hút người đọc  - Nhận xét, động viên, khích lệ những em có tiến bộ, có nhiều cố gắng,...  - Yêu cầu HS đọc lại bài của mình và lời nhận xét của GV    2. HS chỉnh sửa, hoàn thiện bài làm.  - GV hướng dẫn HS:  + Đọc bài của bạn (đặc biệt là những bài được GV khen).  + Đọc những câu văn hay, đoạn văn hay trong SHS để học tập cách tả phong cảnh (cảnh sông nước).  + Viết lại những câu văn, đoạn văn em muốn sửa cho hay hơn.  - GV mời một số HS đọc câu văn, đoạn văn mình đã chỉnh sửa, viết lại. Cả lớp nhận xét, góp ý  - GV chỉnh sửa thêm và động viên, khích lệ HS. | - HS lắng nghe nhận xét của GV.  - HS đọc lại bài của mình và nhận xét của GV, tự đánh giá ưu điểm và hạn chế của bài văn đã viết. HS tự đánh giá bài làm của mình trước lớp và nêu phương án chỉnh sửa.  - HS đọc bài của bạn  - Đọc câu văn, đoạn văn trong SHS  - Viết lại cho hay hơn  - 1 số HS đọc |
| Vận dụng | - Mời HS rút ra những lưu ý về cách viết bài văn tả phong cảnh để có thể viết được bài văn tả phong cảnh hay hơn khi được yêu cầu.  - GV đánh giá nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết dạy.  - Dặn dò bài về nhà. | - HS nêu ý kiến  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

***Rút kinh nghiệm:***

.........................................................................................................................................

.........................................................................................................................................

**Khoa học: Tiết 14**

**BÀI 7: VAI TRÒ CỦA NĂNG LƯỢNG (TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Trình bày được một số nguồn năng lượng thông dụng và việc sử dụng chúng trong cuộc sống hàng ngày.

- Vận dụng được kiến thức về năng lượng trong cuộc sống thực tế

- Ham hiểu biết tìm hiểu về năng lượng và vai trò của năng lượng

- Trách nhiệm và trung thực trong báo cáo kết quả thảo luận.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** phiếu học tập sưu tầm thông tin, hình ảnh về năng lượng, thủy triều, năng lượng sinh khối.

**2. Học sinh:** SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - Giáo viên tổ chức cho học sinh hát bài “Những lá thuyền ước mơ”  - GV đặt câu hỏi để dẫn dắt vào bài: Nhờ đâu mà những chiếc thuyền của các bạn nhỏ có thể đi đến bao miền?  - GV kết nối với tiết học: Ngoài năng lượng nước chảy và năng lượng gió, con người còn sử dụng những nguồn năng lượng nào? Chúng ta tiếp tục tìm hiểu bài học ngày hôm nay “Vai trò của năng lượng” (tiết 2). | - Cả lớp nghe nhạc và cùng vui hát.  - Những chiếc thuyền giấy có thể đi đến bao miền là nhờ năng lượng của nước chảy và năng lượng của gió thổi.  - HS nghe, ghi tên bài. |
| Khám phá | **2. Sử** dụng nguồn năng lượng thông dụng.  - GV yêu cầu học sinh đọc nội dung khung thông tin và trả lời một số câu hỏi, mời một học sinh đọc trước lớp.  + Con người sử dụng năng lượng để làm gì?  + Con người sử dụng nguồn năng lượng được lấy từ đâu?  - GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm, thực hiện nhiệm vụ: Quan sát hình 2, cho biết các máy móc, phương tiện trong hình sử dụng nguồn năng lượng nào và sử dụng vào việc gì ở mỗi hình?  - GV hướng dẫn thảo luận, giao lưu giữa các nhóm, lưu ý gợi ý một số câu hỏi: Trong các nguồn năng lượng em biết năng lượng nào được lấy từ tự nhiên? Năng lượng nào do con người tạo ra?  - GV xác nhận một số ý kiến đúng: Các nguồn năng lượng được lấy từ tự nhiên (năng lượng mặt trời, gió, nước chảy, ..) và năng lượng do con người tạo ra (điện).  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV yêu cầu HS dựa vào Phiếu giao việc đã chuẩn bị trước để trình bày việc sử dụng năng lượng ở gia đình mình theo gợi ý:  + Nêu những nguồn năng lượng gia đình em sử dụng hằng ngày.  + Mỗi nguồn năng lượng đó được sử dụng vào những việc gì?  - GV yêu cầu một số học sinh trình bày kết quả  - GV nhận xét, chốt ý.  - GV yêu cầu cá nhân HS đọc mục “Em có biết?” và trả lời câu hỏi: Ngoài những nguồn năng lượng thông dụng, con người đang hướng tới khai thác và sử dụng thêm những nguồn năng lượng có sẵn trong tự nhiên. Đó là những nguồn năng lượng nào?  - GV cung cấp thêm thông tin về các nguồn năng lượng thuỷ triều và năng lượng sinh khối cho HS qua hình ảnh hoặc video sưu tầm được. | - 01 học sinh đọc thông tin, cả lớp đọc thầm để trả lời  + Con người sử dụng năng lượng lấy từ thức ăn, đồ uống để sống, phát triển và vận động.  + Năng lượng mà con người sử dụng được lấy từ tự nhiên hoặc do con người tạo ra.  - HS quan sát các máy móc và phương tiện trong hình, thảo luận và báo cáo kết quả:  - Hình 2a: Máy bơm sử dụng dầu đi-ê-den để bơm nước.  - Hình 2b: Máy xúc đất sử dụng dầu đi-ê-den để máy hoạt động, nâng tay cần gầu xúc đất,...  - Hình 2c: Tàu hỏa sử dụng dầu đi-ê-den để chạy động cơ đốt trong giúp cho đầu máy hoạt động, kéo đoàn tàu chuyển động.  - Hình 2d: Xe đạp điện sử dụng điện lấy từ ắc-quy làm xe đạp chuyển động.  - HS trả lời  + Điện (năng lượng do con người tạo ra)  + Mặt trời (năng lượng từ tự nhiên)  - HS lắng nghe.  - HS thực hiện yêu cầu vào phiếu giao việc.  + Điện: thắp sáng, nấu ăn, giặt đồ, ủi đồ, quạt mát, bảo quản thức ăn…  + Mặt trời: Phơi quần áo, chiếu sáng, phơi lương thực, thực phẩm, tích điện cho đèn, quạt….  - Một vài học sinh dựa vào phiếu trình bày kết quả.  - HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  - Đại diện HS đọc thông tin trong mục “Em có biết?" và trả lời câu hỏi: Ngoài những nguồn năng lượng thông dụng, con người đang hướng tới khai thác và sử dụng thêm những nguồn năng lượng có sẵn trong tự nhiên như năng lượng thủy triều, năng lượng sinh khối (năng lượng thu được từ quá trình phân hủy thực vật, rơm, gỗ, rác, chất thải…  - HS lắng nghe, xem. |
| Luyện tập | - GV đưa câu hỏi yêu cầu HS trả lời  1. Khi đạp xe nhanh trong khoảng 30 phút, em cảm thấy thế nào? Nguồn năng lượng nào làm cho xe chuyển động? Năng lượng của em được lấy từ đâu?  2. Khi đạp xe xuôi theo chiều gió, em sẽ cảm thấy mất ít hay nhiều sức hơn khi đạp xe ngược chiều gió? Nguồn năng lượng nào đã làm ảnh hưởng đến việc đạp xe của em?  - GV cho học sinh nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, kết luận: Con người cần sử dụng năng lượng để hoạt động. Một số năng lượng trong tự nhiên có ảnh hưởng đến hoạt động của con người. | - Em cảm thấy mất sức khi đạp xe nhanh trong khoảng 30 phút. Em là nguồn cung cấp năng lượng cho xe đạp chuyển động. Năng lượng của em được lấy từ thức ăn và nước uống hằng ngày.  - Khi đạp xe xuôi theo chiều gió, em cảm thấy như xe nhẹ hơn, đạp được nhanh hơn.  + Khi đạp xe xuôi chiều gió, năng lượng của gió đã giúp em đạp xe nhanh hơn mà mất ít sức hơn.  + Khi đạp xe ngược chiều gió, năng lượng của gió đã làm ảnh hưởng đến việc đạp xe chậm hơn mà mất nhiều sức hơn.  - Nhận xét  - HS lắng nghe |
| Vận dụng | - GV củng cố kiến thức của bài học.  + Qua bài học này, em biết những nguồn năng lượng nào?  + Con người sử dụng năng lượng vào những việc gì?  - Giáo viên yêu cầu học sinh đọc phần “Em đã học” giao nhiệm vụ về nhà, khuyến khích mỗi học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập ở mục “Em có thể” sau đó trao đổi với các bạn và thầy cô.  - Nhận xét sau tiết dạy.  - Dặn dò về nhà. | - Học sinh tham gia chia sẻ về một số nguồn năng lượng, vai trò của những nguồn năng lượng đó trước lớp.  - HS đọc và lắng nghe nhiệm vụ về nhà.  - HS lắng nghe. |

***Rút kinh nghiệm:***

.........................................................................................................................................

.........................................................................................................................................

**Lịch sử và Địa lí: Tiết 14**

**BÀI 5: NHÀ NƯỚC VĂN LANG, NHÀ NƯỚC ÂU LẠC (TIẾT 3)**

**YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Sử dụng kiến thức lịch sử và một số truyền thuyết lịch sử mô tả được đời sống kinh tế và công cuộc đấu tranh của Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.

- Năng lực nhận thức lịch sử thông qua việc mô tả được đời sống kinh tế và công cuộc đấu tranh của Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.

- Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động cá nhân, nhóm

- Biết ghi nhớ công ơn dựng nước của tổ tiên thông qua tìm hiểu cội nguồn của dân tộc từ thời Nhà nước Văn Lang, Nhà nước Âu lạc.

- Có ý thức trân trọng và giữ gìn, phát huy những di tích lịch sử, truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp có từ thời Văn Lang, Âu Lạc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**2. Học sinh:** SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV cho HS tổ chức trò chơi “Ngôi sao may mắn”  - GV dẫn dắt HS vào bài học: Để tìm hiểu sâu hơn về nhà nước Văn Lang và Âu Lạc, chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay: Bài 5 – Nhà nước Văn Lang, nhà nước Âu Lạc (tiết 3) | - HS tham gia chơi  - HS lắng nghe |
| Khám phá | 3. Tìm hiểu các cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm của nhà nhước văn Lang, Âu Lạc  - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong sgk    - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân: Hãy kể tên những cuộc đấu tranh chống ngoại xâm của Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc mà em biết.  - GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp. HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, tuyên dương và kết luận: từ rất sớm, cư dân Văn Lang, Âu Lạc đã phải đấu tranh chống giặc ngoại xâm trong đó: nhà nước Văn Lang chống quân Tần. Nhà nước Văn Lang chống quân Triệu Đà.  - Kể tên những câu chuyện chống giặc ngoại xâm của Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc  - Yêu cầu HS chọn và kể lại một câu chuyện chống giặc ngoại xâm của Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc  - GV mời HS kể trước lớp  - GV nhận xét, tuyên dương và hỏi:  + Câu chuyện em vừa kể để lại cho chúng ta bài học gì?  - GV cho HS xem câu chuyện Thánh Gióng  - GV kết luận: Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu lạc đã tiến hành nhiều cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm giành thắng lợi. Tuy nhiên, cuộc kháng chiến chống Triệu Đà của An Dương Vương thất bại, từ đây nước ta rơi vào ách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc kéo dài hơn một nghìn năm. Câu chuyện Sự tích nỏ thần để lại cho chúng ta bài học về sự cảnh giác đối với kẻ thù, không được chủ quan, lơ là trước kẻ địch. | - HS quan sát hình và đọc thông tin  - HS hoạt động cá nhân  - HS trình bày trước lớp  - HS lắng nghe  - Câu chuyện như: Thánh Gióng, sự tích nỏ thần,...  - HS làm việc nhóm đôi  - 1 – 2 HS kể  - HS chia sẻ  + Ví dụ câu chuyện Sự tích nỏ thần để lại bài học: không được chủ quan để mắc mưu kẻ thù, luôn cảnh giác với kẻ thù, luôn đoàn kết chống lại giặc ngoại xâm,...  - HS xem video.  - Lắng nghe |
| Luyện tập | 1. Hoàn thành bảng  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 hoàn thành phiếu học tập    - GV mời đại diện các nhóm trình bày  - GV nhận xét, tuyên dương và chốt đáp án đúng  2. Kể một truyền thuyết khác liên quan đến nhà nước Văn Lang hoặc Âu Lạc  - GV gọi HS đọc yêu cầu  - Em biết những câu chuyện nào khác?  - Yêu cầu học sinh chọn câu chuyện và kể nhóm đôi  - GV mời đại diện các nhóm kể trước lớp  - GV nhận xét, tuyên dương  - Cho HS xem câu chuyện Sự tích bánh chưng, bành giầy | - HS thảo luận thực hiện yêu cầu của GV   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Nội dung | Nhà nước Văn Lang | Nhà nước Âu Lạc | | Thời gian ra đời | Thế kỉ VII TCN | Khoảng 208 TCN | | Kinh đô | Phong Châu | Cổ Loa | | Người đứng đầu | Hùng Vương | An Dương Vương |   - Đại diện các nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét, bổ sung  - HS lắng nghe  - 1 HS đọc yêu cầu  - Sự tích bánh chưng, bánh giầy, sự tích trầu cau, sự tích quả dưa hấu,...  - HS chọn câu chuyện và kể nhóm đôi  - Đại diện nhóm kể  - HS lắng nghe  - HS theo dõi |
| Vận dụng | - GV yêu cầu HS về nhà: Tìm hiểu từ sách, báo, internet,... kể tên một số di tích lịch sử liên quan đến Văn Lang, Âu Lạc.  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - HS lắng nghe và thực hiện  - HS lắng nghe |

***Rút kinh nghiệm:***

.........................................................................................................................................

.........................................................................................................................................

*Ngày soạn: 28/10/2024*

*Ngày soạn: Thứ Năm (31/10/ 2024)*

**Toán: Tiết 39**

**BÀI 18: LUYỆN TẬP CHUNG (TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- HS ước lượng được số đo diện tích, thực hiện được việc chuyên đổi giữa một số đơn vị đo diện tích đã học

- Giải quyết được một số vấn để thực tiễn gắn với số đo diện tích.

- Qua việc mô tả các hiện tượng quan sát được, diễn giải cầu trả lời được đưa ra, HS có thể hình thành và phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

- Cùng với hoạt động trên, qua hoạt động diễn đạt, trả lời câu hỏi (bằng cách nói hoặc viết) mà GV đặt ra sẽ giúp HS phát triển năng lực giao tiếp toán học

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh**: SGK, vở ghi, dụng cụ học tập theo yêu cầu của bài học

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV cho HS chời trò chơi “Hái táo”  Câu 1: 1 km2  = .....ha  Câu 2: 4 m2 = ..... dm2  Câu 3 : 17 km2 = .... m2  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia chơi trò chơi  - HS lắng nghe. |
| Thực hành | Bài 1  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.  - GV gợi ý HS quan sát, so sánh độ dài cạnh cùa bức tranh với chiều cao của Rô-bốt (Rô-bốt không có sự tăng trưởng về chiếu cao qua từng năm, chiều cao của Rô-bốt là khoảng 1 m).  - GV mời HS đại diện trình bày  - GV mời HS nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, tuyên dương.  Bài 2  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài  - GV mời HS làm vào nháp  - Mời HS nối tiếp nêu kết quả  - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, tuyên dương.  Bài 3  - GV cho HS đọc đề bài, làm bài theo nhóm đôi  - GV mời HS trình bày kết quả, nói rõ cách làm.  - GV nhận xét, chữa bài và thống nhất kết quả. | - 1 HS đọc, cả lớp lắng nghe  - Lớp làm việc cá nhân  - HS trình bày: Đáp án A  - HS nhận xét, bổ sung  - HS lắng nghe  - 1 HS đọc, lớp lắng nghe  - HS thực hiện  a) 2 km2 = 2 000 m2  b) 8 ha = 8m2  c) 450 dm2 = m2  - Nhận xét  - Lắng nghe  - HS hoàn thành bài tập theo yêu cầu.  - 2 nhóm hỏi đáp, giải thích cách làm  a) Ta có: 4 m2 2 dm2 = 402 dm2 > 42 dm2; 4 m2 2 dm2 > 42 dm2  b) 2 800 ha = 28 km2  - Lắng nghe |
| Vận dụng | Bài 4  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi phân tích bài toán, lựa chọn phép tính phù hợp, sau đó làm vào vở  - GV mời 1 HS trình bày lời giải, cả lớp chú ý lắng nghe.  - GV nhận xét, chữa bài và chốt đáp án cho HS.  Bài 5  - GV yêu cầu lớp đọc thầm nội dung bài  - GV cùng HS hỏi đáp về bài toán  - GV mời lớp làm việc nhóm 4 làm bài vào bảng nhóm  - GV yêu cầu các nhóm gắn bài làm, mời 1 nhóm TB, các nhóm đặt câu hỏi về bài làm của nhóm bạn  - GV nhận xét, tuyên dương  - Hệ thống nội dung bài học  - Nhận xét tiết học | - 1 HS đọc  - HS thảo luận và làm bài  Bài giải:  Diện tích căn phòng hình chữ nhật là:  6 5 = 30 (m2)  Số tiền bác Ba phải trả cho số gỗ lát căn phòng đó là:  300 000 30 = 9 000 000 (đồng)  Đáp số: 9 000 000 đồng  - Cả lớp đọc  - Lớp làm việc nhóm 4  - HS trình bày, hỏi đáp về bài giải  Bài giải:  Diện tích một tấm kính là:  6 4 = 24 (dm2)  Diện tích tấm kính ban đầu là:  24 5 = 120 (dm2)  Ta có: 120 dm2 = 1,2 m2  Đáp số: 1,2 m2.  - HS chú ý lắng nghe  - HS lưu ý rút kinh nghiệm cho các tiết học sau |

**Tiếng Việt: Tiết 56**

**NÓI VÀ NGHE: CẢNH ĐẸP THIÊN NHIÊN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Giới thiệu được một cảnh đẹp thiên nhiên nước ta.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

- Biết yêu thiên nhiên và trân trọng các sự vật thuộc về tự nhiên, có ý thức tìm tòi thông tin để hiểu biết về thiên nhiên, có mong muốn được khám phá, trải nghiệm những điều thú vị của thiên nhiên, biết tự hào về danh lam thắng cảnh của đất nước.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên:** SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh:** SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV cho HS xem video, đặt câu hỏi: Kể tên những danh lam thắng cảnh tuyệt đẹp trên đất nước Việt Nam có trong video?  - GV mời các nhóm chia sẻ kết quả.  - GV nhận xét, đánh giá và gợi ý thêm: Vịnh Hạ Long, đảo Cô Tô, vườn Quốc gia Cúc Phương, thác Bản Giốc…  - GV giới thiệu bài học mới và ghi tên bài học mới. | - HS theo dõi  - HS chia sẻ  - HS lắng nghe, tiếp thu. |
| Khám phá | 1. Chuẩn bị.  \* Bước 1 và 2.Tìm hiểu xem Việt Nam có những thắng cảnh (cảnh đẹp) nào nổi bật. Ghi chép những thông tin quan trọng.  - GV mời 1-2 HS đọc yêu cầu và các gợi ý trong SHS  - GV hỏi: Ngoài các cảnh đẹp đã được nêu trong SHS, các em còn biêt thêm những cảnh đẹp nào?  - GV cho HS làm việc nhóm, với các nhiệm vụ:  + Tìm trên internet hoặc sách báo (đã chuẩn bị trước) về thắng cảnh mình chọn.  + Ghi chép các thông tin quan trọng, cùng chọn lọc và bổ sung thông tin. (Có thể cả nhóm cùng chọn một cảnh đẹp và làm chung, có thể mỗi cá nhân chọn riêng.)  \* Bước 3.Lập dàn ý cho bài giới thiệu.  - GV cho HS làm việc nhóm với nhiệm vụ:  + HS tham khảo dàn ý ở bài tập 2. Đọc kĩ các hướng dẫn.  + Cả nhóm có thể cùng lập 1 dàn ý theo 3 mục: mở đầu, triển khai, kết thúc, hoặc mỗi cá nhân lập một dàn ý riêng.  - Các cá nhân trong nhóm lần lượt trình bày bài giới thiệu trước cả nhóm.  - GV lưu ý HS: Từ một dàn ý, các em có thể triển khai bài nói một cách khác nhau, thêm vào các từ ngữ cho mềm mại.  2. Trình bày.  - GV gọi 1 HS đọc phần trình bày, 1 HS đọc phần Em có thể.  - GV lưu ý HS cách trình bày: Nên sử dụng tranh ảnh hoặc clip hỗ trợ để bài nói được sinh động; giọng nói cũng phải thể hiện được niềm tự hào và say mê.  - GV mời đại diện các nhóm lên trình bày bài giới thiệu trước lớp.  - YC HS lắng nghe, ghi chép, nêu ý kiến góp ý hoặc bổ sung.  3. Trao đổi, góp ý  - Tổ chức cho HS trao đổi, góp ý với bạn về phần trình bày:  + Giới thiệu được các thông tin thú vị.  + Sử dụng những từ ngữ miêu tả gây ấn tượng.  - GV gợi ý cho HS:  + Giới thiệu tên địa danh: vị trí địa lí, khung cảnh, khí hậu, thời tiết, không gian thiên nhiên.  + Cung cấp những thông tin về cảnh đẹp.  + Nêu được cảm nhận về cảnh đó.  + Nhấn mạnh và bày tỏ được cảm nhận của bản thân về cảnh đẹp đã giới thiệu.  - GV khuyến khích HS nêu câu hỏi và có những phản biện thể hiện quan điểm cá nhân.  - GV nhận xét, khen ngợi những bài giới thiệu tốt: Bài nói thể hiện được những nét đặc sắc nhất của cảnh đẹp, cách trình bày mạch lạc và hấp dẫn. | - HS đọc yêu cầu và các gợi ý  - HS nêu. VD: Thác bản Giốc (Cao Bằng), Tam Cốc - Bích Động (Ninh Bình), biển Thiên Cầm (Hà Tĩnh), núi Ngũ Hành Sơn (Đà Nằng - Quảng Nam), Gành Đá Đĩa (Phú Yên), biển Mũi Né (Bình Thuận),...)  - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm 2  - HS lập dàn ý theo hướng dẫn  - TB trước nhóm  - 2 HS đọc, lớp theo dõi  - Lắng nghe  - Đại diện một số nhóm TB  - Ghi chép  - Làm việc cả lớp  - Lắng nghe |
| Vận dụng | - GV giao nhiệm vụ cho HS: Tìm đọc sách, báo hoặc xem video về những miền đất xa xôi mà con người ít có cơ hội đặt chân đến (Nam Cực, Bắc Cực, sa mạc Xa-ha-ra,…)  - Yêu cầu HS nêu những nội dung đã học ở Bài 16  - GV dặn dò HS chia sẻ với người thân những nội dung học tập thú vị ở Bài 16 và đọc trước các bài học ở tuần tiếp theo | - HS đọc nhiệm vụ BT.  - HS nêu:  + Đọc - hiểu: Xin chào, Xa-ha-ra.  + Viết: Đánh giá, chỉnh sửa bài văn tả phong cảnh.  + Nói và nghe: Giới thiệu được một cảnh đẹp thiên nhiên của nước ta. |

***Rút kinh nghiệm:***

.........................................................................................................................................

.........................................................................................................................................

**Khoa học: Tiết 15**

**BÀI 8: SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG ĐIỆN (TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nêu được một số quy tắc cơ bản về an toàn điện và tuân thủ các quy tắc an toàn điện trong tình huống thường gặp.

- Nêu và thực hiện được những việc làm thiết thực để tiết kiệm năng lượng điện ở trường và ở nhà.

- Đề xuất và trình bày được những việc cần làm để sử dụng an toàn, tiết kiệm năng lượng điện một cách đơn giản, dễ nhớ (như dùng hình ảnh, sơ đồ,..) để vận động gia đình và cộng đồng cùng thực hiện.

- Có ý thức thực hiện, sử dụng điện an toàn và tiết kiệm điện khi ở trường và ở nhà.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Các hình trong SGK; bảnh phụ, giấy A3, bút lông dầu.

**2. Học sinh:** SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV cho HS xem video “Ổ điện tức giận”.  Lưu ý: Trước khi xem, GV nêu yêu cầu: Các em hãy quan sát hành động của bạn Bo và cho biết vì sao ổ điện lại “tức giận” làm bạn Bo bị điện giật nhé.  - GV đặt câu hỏi:  + Khi dùng năng lượng để thắp sáng, chạy máy..., người ta thường lấy điện từ đâu?  + Em hãy nêu một số tình huống không an toàn khi sử dụng điện mà em biết.  - GV đặt vấn đề: Để biết điện được lấy từ đâu và cần sử dụng điện như thế nào để an toàn và tiết kiệm, chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay | - HS xem video, quan sát hành động của bạn Bo và trả lời: Bạn Bo rút sạc ipad khi tay còn đang ướt nên bạn Bo đã bị điện giật.  - HS chia sẻ  - HS nghe |
| Khám phá | 1. An toàn khi sử dụng điện  HĐ1: Tìm hiểu điện được sử dụng vào những việc gì và điện được truyền từ nhà máy điện đến nơi tiêu thụ như thế nào.  - GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm 4:  + Sử dụng kĩ thuật Khăn trải bàn, yêu cầu các nhóm dựa vào những hiểu biết trong thực tế nêu những việc sử dụng điện trong cuộc sống hằng ngày.  + Bao quát, có thể hướng dẫn các nhóm cách tổng hợp kết quả và ghi nội dung kết luận chung của nhóm.  - GV tổ chức cho HS trình bày kết quả trước lớp.  - GV nhận xét, tuyên dương các nhóm và kết luận: Điện được dùng để thắp sáng, sấy khô, đun nấu thức ăn, chạy các máy móc như: xe đạp điện, quạt máy, máy điều hoà, máy sưởi,...  - GV dẫn dắt sang hoạt động tiếp theo: Điện được sử dụng rất nhiều trong cuộc sống hằng ngày. Vậy điện được lấy từ đâu?  - GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm bàn: Yêu cầu HS quan sát các hình ảnh minh hoạ kết hợp đọc chú thích ở mỗi hình ảnh (hình 1 SGK), cho biết điện được truyền từ nhà máy điện đến ổ điện của mỗi gia đình, cơ quan, trường học, như thế nào. - GV tổ chức cho HS trình bày trước lớp  - GV khen ngợi HS và kết luận: Điện được truyền từ nhà máy điện qua trạm biến thế để tăng áp (nhằm giảm hao phí điện năng trên đường truyền) rồi đưa lên đường dây tải điện (đường dây cao thế). Trước khi đến nơi tiêu dùng điện thì cần có trạm biến thế để hạ áp (nhằm đảm bảo an toàn khi sử dụng điện), điện từ trạm hạ áp sẽ được đưa đến nơi tiêu thụ  HĐ 2, 3: Tìm hiểu một số việc nên làm và không nên làm để đảm bảo an toàn khi sử dụng điện.  - GV tổ chức làm việc nhóm:  + Yêu cầu HS: Quan sát các hình 2, 3, 4 và thực hiện theo nhiệm vụ trong SGK.  + Hướng dẫn HS quan sát, việc làm có trong mỗi hình từ đó xác định việc nên làm và không nên làm để đảm bảo an toàn khi sử dụng điện.  + Xếp các hình minh hoạ vào hai nhóm: việc nên làm/an toàn và việc không nên làm/không an toàn.  - Tổ chức cho các nhóm chia sẻ kết quả trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến  - Nhận xét  HĐ 4: Kể thêm một số trường hợp sử dụng điện an toàn và không an toàn.  - Tổ chức cho HS kể trước lớp  - Nhận xét | - Các nhóm làm việc: Cá nhân HS ghi việc sử dụng điện trong cuộc sống hằng ngày vào mỗi góc khăn trải bàn, phần giữa khăn trải bàn ghi nội dung kết luận chung của nhóm.  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.  - HS lắng nghe và ghi nhớ.  - HS thảo luận theo nhóm bàn: quan sát kết hợp đọc chú thích ở mỗi hình ảnh minh hoạ để mô tả sự truyền điện từ nơi sản xuất đến nơi tiêu thụ.  - Đại diện HS chỉ trên sơ đồ truyền tải điện năng kết hợp mô tả sự truyền điện từ nơi sản xuất đến nơi tiêu thụ.  - HS lắng nghe và ghi nhớ  - Nhóm trưởng tổ chức cho các bạn:  + Cá nhân HS quan sát hình, chỉ ra việc nên làm /an toàn và việc không nên làm / không an toàn. Chia sẻ kết quả trong nhóm.  + Nhóm thống nhất và đưa ra ý kiến giải thích cho câu hỏi “Vì sao?”  - Đại diện nhóm chia sẻ  A white and black text on a white background  Description automatically generated  - Cá nhân HS chia sẻ thêm một số trường hợp sử dụng điện an toàn như: thấy dây điện bị đứt thì không lại gần mà cần báo ngay cho người lớn; không an toàn: leo trèo lên cột điện, đứng chân trần trên sàn nhà tắm ướt để sấy tóc,... |
| Thực hành | - Từ hoạt động khám phá những việc nên làm và không nên làm để đảm bảo an toàn khi sử dụng điện, GV tổ chức cho HS xây dựng quy tắc an toàn khi sử dụng điện.  - GV xác nhận ý kiến đúng và ghi bảng.  - GV yêu cầu HS đọc mục “Em có biết?” và cho biết để cảnh báo mọi người về an toàn điện ở nơi công cộng, người ta đã sử dụng các biển báo nào? | - HS làm việc cá nhân: Mỗi HS dựa vào bảng kết quả hoạt động nhóm đã được chỉnh sửa, bổ sung để nêu các quy tắc an toàn điện như:  + Không nên đến gần đường dây cao thế, trạm biến thế.  + Ngắt nguồn điện của các thiết bị điện trong nhà khi có mưa giông, sấm sét.  + Cần sử dụng các dụng cụ bảo hộ chuyên dụng và ngắt các thiết bị điện ra khỏi nguồn điện khi sửa chữa điện.  + Lựa chọn vị trí lắp đặt công tắc, ổ cắm điện phù hợp.  + Không tiếp xúc trực tiếp với ổ điện, dây điện bị hở,…  - HS lắng nghe và ghi nhớ  - HS đọc mục “Em có biết?” và nêu tên các biển cảnh báo mọi người về an toàn điện ở nơi công cộng |
| Vận dụng | - GV giao nhiệm vụ cho HS:  + Ghi nhớ và tuân thủ những quy tắc an toàn điện.  + Về nhà, làm một bảng cảnh báo an toàn khi sử dụng điện (có thể viết hoặc vẽ) để tiết sau chia sẻ với cô giáo và các bạn | - HS lắng nghe. |

**Lịch sử và Địa lí**

**BÀI 6: VƯƠNG QUỐC PHÙ NAM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Trình bày được sự thành lập của nước Phù Nam qua truyền thuyết lập nước và một số bằng chứng khảo cổ học.

- Mô tả được một số hiện vật khảo cổ học của Phù Nam.

- Năng lực tự chủ, tự học: Thông qua các hoạt động học tập mang tính cá nhân, tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết vấn đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động học tập.

- Bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước, trân trọng giá trị văn hóa của vương quốc Phù Nam để lại.

- Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi trong tìm hiểu về Lịch sử và Địa lí.

- Nâng cao nhận thức về chủ quyền ở vùng đất Nam Bộ của đất nước Việt Nam hiện nay vốn có nguồn gốc bản địa lâu đời. Có ý thức tuyên truyền, giới thiệu về những giá trị văn hóa của dân tộc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** SGK, máy tính, máy chiếu

**2. Học sinh:** SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV yêu cầu HS quan sát hình 1 sgk và hỏi:  + Hình 1 vẽ gì?  - GV giới thiệu: Bình gốm Nhơn Thành là một trong những hiện vật tiêu biểu của vương quốc Phù Nam. Là minh chứng cho giai đoạn lịch sử phát triển rực rỡ của vuong quốc Phù Nam. Em hãy chia sẻ những điều em biết về vương quốc này?  - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới. | - HS quan sát  + Vẽ bình gốm Nhơn Thành  - HS lắng nghe và chia sẻ.  - HS lắng nghe. |
| Khám phá | 1. Sự thành lập của vương quốc Phù Nam (thảo luận nhóm đôi)  - GV yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát hình 2, 3 trong sgk và trả lời các câu hỏi:  + Vương quốc Phù Nam được thành lập vào khoảng thời gian nào? ở đâu?  + Những bằng chứng nào chứng tỏ sự tồn tại của vương quốc Phù nam?  + Hãy kể lại truyền thuyết về Hỗn Điền – Liễu Diệp?  - GV mời đại diện các nhóm trình bày  - GV nhận xét, tuyên dương và kết luận: Vương quốc Phù Nam ra đời vào khoảng thế kỉ I, sự ra đời và phát triển của vương quốc này gắn với truyền thuyết Hỗn Điền – Liễu Diệp cùng một số bằng chứng khảo cổ học như: Dấu tích kiến trúc ở di tích gò cây thị (An Giang); dấu tích cọc gỗ nhà sàn của cư dân Phù nam ở di tích Nền Chùa (Kiên Giang). Địa bàn cư trú của cư dân Phù Nam chủ yếu ở khu vực Nam Bộ nước ta hiện nay.  2. Một số hiện vật khảo cổ học của vương quốc Phù Nam (thảo luận nhóm 4)  - GV yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát các hình từ 4 đến 7 và trả lời câu hỏi:  + Kể tên những hiện vật của cư dân Phù Nam được các nhà khảo cổ học phát hiện?  + Những hiện vật đó phản ánh điều gì?  + Lựa chọn và mô tả một hiện vật của vương quốc Phù Nam?  - GV mời đại diện các nhóm trình bày  - GV nhận xét, tuyên dương và kết luận: Nhiều dấu tích, hiện vật khác nhau được phát hiện chứng tỏ cư dân Phù Nam có đời sống kinh tế, vật chất, tinh thần khá phát triển. | - HS quan sát hình, đọc thông tin cùng thảo luận trả lời câu hỏi:  + Vương quốc Phù Nam ra đời vào khoảng thế kỉ I, ở khu vực Nam Bộ Việt Nam hiện nay.  + Truyền thuyết về Hỗn Điền – Liễu Diệp cùng những bằng chứng khảo cổ học như: Dấu tích kiến trúc ở di tích gò cây thị (An Giang); dấu tích cọc gỗ nhà sàn của cư dân Phù nam ở di tích Nền Chùa (Kiên Giang) chứng tỏ sự tồn tại của vương quốc Phù nam.  + HS kể trong nhóm  - HS các nhóm trình bày kết quả thảo luận.  - HS lắng nghe.  - HS quan sát hình và đọc thông tin cùng thảo luận trả lời câu hỏi:    + Những hiện vật của cư dân Phù Nam được các nhà khảo cổ học phát hiện là: Nền móng kiến trúc; bếp đun; đồ gốm; tiền kim loại, đồ trang sức, tượng thần, tượng phật,..  + Phản ánh đời sống kinh tế, vật chất, tinh thần của cư dân Phù Nam khá phát triển và phong phú.  + Ví dụ:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Hiện vật | Chất liệu | Màu sắc | Kiểu dáng | | Đồng tiền kim loại | Kim loại | Trắng bạc | Hình tròn có các hoa văn | | Cà ràng | Đất nung | Nâu | Hình trụ, có 3 cạnh để kê nồi, | | Khuyên tai bằng vàng | Vàng | Vàng | Hình tròn có khắc hoa văn | | Tượng phật | Gỗ | Nâu | Tượng phật đứng trên tòa sen mặc áo cà sa |   - Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.  - HS lắng nghe |
| Thực hành | 1. Trình bày sự thành lập của vương quốc Phù Nam (cá nhân)  - GV gọi HS đọc yêu cầu  - GV yêu cầu học sinh làm việc cá nhân:  + Trình bày sự thành lập của vương quốc Phù Nam?  - GV mời HS trả lời  - GV nhận xét, tuyên dương  2. Hoàn thành bảng (nhóm đôi)  - GV gọi HS đọc yêu cầu  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi  - GV mời đại diện các nhóm trình bày  - GV nhận xét, tuyên dương | - 1 HS đọc yêu cầu, cả lớp theo dõi  - HS làm việc cá nhân  + Vương quốc Phù Nam ra đời vào khoảng thế kỉ I, gắn với truyền thuyết về Hỗn Điền – Liễu Diệp cùng một số bằng chứng khảo cổ học.  - 1 HS trả lời, HS khác nhận xét  - HS lắng nghe  - 1 HS đọc yêu cầu, cả lớp theo dõi  - HS thảo luận nhóm đôi   |  |  | | --- | --- | | Lĩnh vực | Hiện vật | | Đời sống vật chất | Nền móng kiến trúc, bếp đun, đồ gốm, tiền kim loại,... | | Đời sống tinh thần | Đồ trang sức, tượng thần, tượng phật,... |   - Đại diện các nhóm trình bày |
| Vận dụng | - GV yêu cầu HS về nhà viết một bức thư ngắn giới thiệu về vương quốc Phù Nam cho một người bạn của em | - HS lắng nghe |

***Rút kinh nghiệm:***

.........................................................................................................................................

.........................................................................................................................................

*Ngày soạn: 28/10/2024*

*Ngày soạn: Thứ Sáu (1/11/ 2024)*

**Toán: Tiết 40**

**BÀI 19: PHÉP CỘNG SỐ THẬP PHÂN (TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Thực hiện được phép cộng hai số thập phân.

- Nhận biết và vận dụng được tính chẫt giao hoán, kết hợp cùa phép cộng các số thập phân trong tính toán.

- Giải được bài toán thực tế liên quan đến phép cộng số thập phân.

- Thông qua thực hành làm bài tập, HS phát triển năng lực tính toán.

- Thông qua giải bài toán thực tiễn, HS phát triển năng lực giải quyết vấn đề.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh**: SGK, vở ghi, dụng cụ học tập theo yêu cầu của bài học

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | Trò chơi “Hãy chọn số đúng”.  - Luật chơi: Quản trò nêu câu hỏi. HS giơ bảng ghi đáp án phù hợp đối với mỗi câu hỏi. Trả lời sai ở câu nào sẽ bị loại khỏi cuộc chơi. Những HS trả lời đúng 5 câu sẽ là người chiến thắng.  Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.  1. Số thích hợp viết vào chỗ chấm của 3 m 2 cm = ... m là:  A. 32 B. 3,2 C. 3,02  2. Số thích hợp viết vào chỗ chấm của 1 m 23 cm = ... cm là:  A. 1,23 B. 12,3 C. 123  3. Số thích hợp viết vào chỗ chấm của 215 cm + 42 cm = ... cm là:  A. 257 B. 27,5 C. 635  3. Số thích hợp viết vào chỗ chấm của 215 cm = ... m là:  A. 21,5 B. 2,15 C. 2 150  4. Số thích hợp viết vào chỗ chấm của 215 cm = ... m là:  A. 21,5 B. 2,15 C. 2 150  5. Số thích hợp viết vào chỗ chấm của 42 cm = ... m là:  A. 420 B. 4,2 C. 0,42  6. Số thích hợp viết vào chỗ chấm của 2,15 cm + 0,42 cm = ... cm là:  A. 2,57 cm B. 25,7cm C. 6,35 cm  - HS nêu nhận xét về các số hạng ở câu hỏi thứ 6  - Phép cộng hai số thập phân các em đã được học chưa?  - GV giới thiệu bài: Để biết kết quả của phép tính 2,15 cm và 0,42 cm các bạn tính đã đúng chưa, chúng ta cùng đến với bài học hôm nay: Phép cộng số thập phân. | - HS tham gia  - Các số hạng này là số thập phân  - HSTL  - Lắng nghe |
| Khám phá | - GV cho HS quan sát hình vẽ, cho biết tranh vẽ gì?  - GV cho 3 HS đứng tại chỗ đóng vai đọc lời thoại của Mai, Việt và Nam trong SGK để dẫn ra tình huống.  - Muốn biết cả hai bạn đã dùng hết bao nhiêu mét dây đồng ta làm phép tính gì?  - Ta có thể tìm được kết quả phép cộng này không? Làm thế nào để tìm được kết quả phép cộng này?  - GV cho HS thảo luận.    - Yêu cầu HS nêu cách làm    - GV hướng dẫn HS đặt tính rồi tính như trong SGK.  + Đặt tính sao cho các chữ số ở cùng hàng thì thẳng cột  + Thực hiện phép cộng như cộng hai số tự nhiên.  + Viết dấu phẩy thẳng cột với dấu phẩy của hai số hạng  - GV cho HS nhận xét sự giống nhau, khác nhau của hai phép cộng:   |  |  | | --- | --- | |  | 1,65 | | +1,26 | |  | 2,91 |  |  |  | | --- | --- | | + | 165 | | 126 | |  | 291 |   - GV cho nêu cách cộng hai số thập phân.  b) 24,5 + 3,84 = ?  - GV nêu phép cộng trong SGK sau đó để HS tự đặt tính rồi tính.  - GV lưu ý HS: Đây là phép cộng hai số thập phân có số chữ số ở phần thập phân không bằng nhau, do đó GV cần lưu ý HS khi đặt tính: các chữ số ở cùng hàng phải đặt thẳng cột.  - Sau cả hai phần a và b, GV cho HS tự nêu cách cộng số thập phân như trong SGK. | - Quan sát, trả lời: Các bạn thực hành uốn dây đồng thành các hình tam giác, hình ngôi sao,…  - 3 HS thực hiện  - Phép cộng 1,65 + 1,26  - HS thảo luận nhóm đôi, trả lời: Để tìm kết quả của phép cộng này, ta có thể chuyên vế phép cộng hai số tự nhiên.  - Ta có 1,65 m = 165 cm; 1,26 m = 126 cm  Lấy 165 cm + 126 cm = 291 cm = 2,91 m. Vậy 1,65 + 1,26 = 2,91 (m)  - Theo dõi  - Giống nhau: Đặt tính và cộng giống nhau  - Khác nhau: Ở chỗ không có và có dấu phẩy  - HS nêu lại cách tính  - HS thực hiện tính ra nháp, 1 HS thực hiện trên bảng nêu cách đặt tính và tính   |  | | --- | | 24,5 | | + 3,84 | | 28,34 |   - HS nêu |
| Thực hành | Bài 1  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1  - GV yêu cầu HS làm bài vào vở  - GV mời 2 chữa bài trên bảng lớp  - GV mời HS nhận xét  - GV nhận xét, tuyên dương  - Nhắc lại cách cộng hai số thập phân  Bài 2  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài  - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm 4  - GV mời đại diện các nhóm trả lời. Hãy nêu vì sao lại chọn đáp án đó  - GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, tuyên dương | - 1 HS đọc  - HS làm bài   |  |  | | --- | --- | | + | 5,34 | | 7,49 | |  | 12,83 |   - 2 HS thực hiện   |  |  | | --- | --- | | + | 6,8 | | 9,7 | |  | 16,5 |  |  |  | | --- | --- | | + | 18,6 | | 8,72 | |  | 27,32 |   - HS nhận xét   |  |  | | --- | --- | | + | 8,16 | | 5,9 | |  | 14,06 |   - HS lắng nghe  - HS nhắc lại  - 1 HS đọc  - HS thảo luận để tìm kết quả  - HS đại diện nhóm trả lời  a) S (vì tính sai);  b) Đ;  c) S (vì đặt tính sai).  - Các nhóm khác nhận xét  - HS lắng nghe |
| Vận dụng | Bài 3  - GV yêu cầu HS đọc thầm bài 3  - GV cùng HS phân tích bài toán trong nhóm đôi và làm bài vào vở  - Gv mời đại diện nêu kết quả  - GV đánh giá kết quả, tuyên dương  - GV cùng HS hệ thống bài học  - GV nhận xét tiết học  - Dặn dò bài về nhà | - Cả lớp đọc thầm  - HS phân tích bài toán và làm bài  - Đại diện nêu kết quả  Bài giải  Cả quả dưa hấu và quả mít cân nặng số ki-lô-gam là:  4,65 + 5,8 = 10,45 (kg)  Đáp số: 10,45 kg  - HS nhận xét, bổ sung  - HS lắng nghe  - Lắng nghe  - Ghi nhớ |

***Rút kinh nghiệm:***

.........................................................................................................................................

.........................................................................................................................................

**Hoạt động trải nghiệm: Tiết 21**

**SINH HOẠT LỚP: NUÔI DƯỠNG TÌNH BẠN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Học sinh nêu được và tự đánh giá được kết quả nuôi dưỡng tình bạn

- Học sinh cảm nhận được niềm tự hào khi mình và bạn nâng cao nuôi dưỡng tình bạn.

- Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới.

- Tự tin và trình bày được kết quả nuôi dưỡng tình bạn của mình

- Biết tạo ra sản phẩm độc đáo, ấn tượng.

- Biết chia sẻ với bạn những kết quả nuôi dưỡng tình bạn

- Tôn trọng, yêu quý và cảm thông với bạn khi bạn kết quả nuôi dưỡng tình bạn

- Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để tiếp tục nâng cao bậc thang thành tích

- Có ý thức với lớp, tôn trọng nền nếp, nội quy lớp học.

**II. ĐỒ DÙNG HỌC TẬP**

**1. Giáo viên:** Các tấm bìa các-tông, bìa màu, bút màu,…

**2. Học sinh:** Các tấm bìa các-tông, bìa màu, bút màu,…

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV cho học sinh xem bài hát “Tình bạn  - GV đặt câu hỏi để trao đổi, dẫn dắt HS vào bài học.  + Bạn nhỏ trong bài hát đã nói thế nào với tình bạn?  + Bạn nhỏ trong bài hát nói điều gì?  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới: Khi chúng ta lớn khôn chúng ta sẽ có suy nghĩ và hành động về tình bạn chúng ta sẽ làm được nhiều việc có ích cho bản thân và xã hội. Vậy để biết được chúng ta nuôi dưỡng tình bạn như thế nào cô mời cả lớp cùng nhau sinh hoạt hôm nay để xem nuôi dưỡng tình bạn của mình. | - HS quan sát và lắng nghe bài hát.  - HS cùng trao đổi với GV về nội dung bài hát.  + Bạn nhỏ nói rằng chúng ta cần tôn trọng tình bạn  - Bạn nhỏ nói yêu mẹ nhất trên đời.  - HS lắng nghe. |
| Thực hành | 1. Đánh giá kết quả cuối tuần. (Làm việc theo tổ)  **-** GV mời lớp trưởng điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần.  - Lớp trưởng lên điều hành nội dung sinh hoạt: Mời các tổ thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần:  + Sinh hoạt nền nếp.  + Thi đua của đội cờ đỏ tổ chức.  + Kết quả hoạt động các phong trào.  + Một số nội dung phát sinh trong tuần...  - Lớp trưởng mời Tổ trưởng các tổ báo cáo.  - Lớp trưởng tổng hợp kết quả và mời giáo viên chủ nhiệm nhận xét chung.  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  2. Kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4 hoặc theo tổ)  **-** GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. Yêu cầu các nhóm (tổ) thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch.  + Thực hiện nền nếp trong tuần.  + Thi đua học tập tốt theo chấm điểm của đội cờ đỏ.  + Thực hiện các hoạt động các phong trào.  - Lớp trưởng báo cáo kết quả thảo luận kế hoạch và mời GV nhận xét, góp ý.  - GV nhận xét chung, thống nhất, và biểu quyết hành động. | - Lớp trưởng lên điều hành  - Mời các nhóm thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần.  - Các tổ trưởng lần lượt báo cáo kết quả hoạt động cuối tuần.  - Lắng nghe rút kinh nghiệm.  - Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạt động tuần tới.  - HS thảo luận nhóm 4 hoặc tổ: Xem xét các nội dung trong tuần tới, bổ sung nếu cần.  - Một số nhóm nhận xét, bổ sung.  - Cả lớp biểu quyết hành động bằng giơ tay. |
| Luyện tập | 3. Tham gia điệu nhảy dân vũ  - GV mời cả lớp nhảy nhạc dân vũ theo chủ đề tình bạn  - GV mời các nhóm trình bày trước lớp  - GV nhận xét chung và kết luận:  Mỗi chúng ta là một mắt xích của tập thể lớp chúng ta cần phải hòa đồng giúp được các bạn cùng tiến bộ nuôi dưỡng tình bạn  4. Đề xuất ý tưởng cho hoạt động cùng làm nên kỉ niệm.  - Gọi HS trình bày ý tưởng  - GV lắng nghe | - HS lắng nghe thực hiện nhiệm vụ  - HS thảo luận cùng nhóm để bổ sung thêm ý kiến của các bạn về mình nếu thấy hợp lý.  - Cùng các bạn xây dựng ý tưởng làm nên kỉ niệm đẹp cuối cấp như ngoại khóa thực hiện ngoài nhà trường.  - HS trình bày |
| Vận dụng | - GV nêu yêu cầu và hướng dẫn học sinh về nhà cùng với người thân  - GV nêu yêu cầu và hướng dẫn học sinh về nhà cùng với bạn hàng xóm về giữ gìn tình bạn:  + Tiếp tục rèn luyện kế hoạch hoạch động trong và ngoài nhà trường  + Tiếp kế hoạch hành động học tập  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - Học sinh tiếp nhận thông tin và yêu cầu để về nhà ứng dụng với các thành viên trong gia đình.  - HS lắng nghe, thực hiện |

***Rút kinh nghiệm:***

.........................................................................................................................................

.........................................................................................................................................